

PHẦN THỨ HAI

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC I

CƠ SỞ THỰC TIỄN CỦA TẬP TỤC

1. Đôi nét về xứ Quảng

Sau khi có được vùng đất rộng về phương Nam, vua Lê Thánh Tông đặt là Quảng Nam thừa tuyên, chia làm 3 phủ: Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định ngày nay). Năm 1602, Quảng Nam thừa tuyên đạo đổi thành Quảng Nam dinh gồm 3 phủ như trước. Năm 1605 lại lấy thêm huyện Điện Bàn thuộc phủ Triệu Phong (Thuận Hoá) tăng thành phủ rồi nhập vào Quảng Nam dinh. Quảng Nam thời bấy giờ có 4 phủ: *Điện Bàn, Thăng Hoa, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn*. Năm 1801, Nguyễn Phúc Ánh khôi phục được Quảng Nam lấy hai phủ Điện Bàn và Thăng Hoa làm Quảng Nam dinh. Năm 1805, vua Gia Long đổi Quảng Nam dinh thành *Trực lệ Quảng Nam dinh* trực thuộc kinh sư. Năm 1827, vua Minh Mạng bỏ hai chữ *Trực lệ*, đặt các chức *Trấn thủ, Hiệp trấn và Tham hiệp*. Năm 1832, đổi thành tỉnh kiêm cả Quảng Ngãi. Năm 1836 đặt thêm huyện Quế Sơn. Năm Thành Thái thứ XI (1899), đặt thêm huyện Đại Lộc thuộc phủ Điện Bàn. Năm 1906 cải huyện Hà Đông làm phủ Hà Đông, sau cải làm phủ Tam Kỳ kiêm lý huyện Hà Đông.

Địa bạ Quảng Nam năm GL 13,14 Quảng Nam dinh gồm 2 phủ Điện Bàn và Thăng Hoa, chia ra làm 5 huyện, 29 tổng,

7 thuộc, 937 làng (có 610 xã, 153 thôn, 74 châu, 41 phường, 24 tộc, 1 bức, 7 man, 10 ấp, 6 trại, 1 giáp).

Phủ Điện Bàn gồm 2 huyện Hoà Vang và Diên Khánh: Hoà Vang gồm 5 tổng, 1 thuộc, với 144 làng. Huyện Diên Khánh gồm 7 tổng, 1 thuộc với 221 làng.

Phủ Thăng Hoa gồm 3 huyện, 17 tổng, 5 thuộc với 572 làng: Huyện Duy Xuyên gồm 6 tổng, 2 thuộc với 225 làng. Huyện Hà Đông gồm 4 tổng, 2 thuộc với 153 làng. Huyện Lê Dương gồm 7 tổng, 1 thuộc với 194 làng.

Khoảng năm 1920, tỉnh Quảng Nam chia ra gồm:

Phủ Điện Bàn có 9 tổng với 168 xã và 14.292 suất đình. Huyện Duy Xuyên có 9 tổng với 159 xã và 9.449 suất đình. Huyện Đại Lộc có 5 tổng với 110 xã và 3.752 suất đình. Huyện Hoà Vang có 4 tổng với 88 xã và 2.292 suất đình. Huyện Thăng Bình có 7 tổng với 195 xã và 16.110 suất đình. Huyện Quế Sơn có 4 tổng với 100 xã và 10.092 suất đình. Phủ Tam Kỳ có 7 tổng với 225 xã và 11.141 suất đình (trong đó có 14 làng Thượng trực thuộc).

Ngày 31-7-1962, Tam Kỳ được tách làm tỉnh Quảng Tín. Tất cả phủ huyện đều gọi là quận, tư cách hành chính ngang nhau, các làng gọi chung là xã.

-Tỉnh Quảng Nam có 9 quận (144 xã), 1 thị xã. Diện tích 6.476 km². Dân số 599.192 người.¹

-Quận Duy Xuyên rộng 232,9 km², có 43.419 người.

-Quận Đại Lộc rộng 168,0 km² có 54.869 người.

¹ Tài liệu Địa chính 1969, Nha ĐĐQG thiết lập năm 1971. Dân số tính đến 12-1970 theo tài liệu HES. Dẫn theo Tạp chí *Xưa Nay* tháng 7-1998.

- Quận Điện Bàn rộng 199,1 km² với 64.618 người.
- Quận Đức Dục rộng 708,1 km² với 46.295 người.
- Quận Hiếu Đức rộng 778 km² với 16.845 người.
- Quận Hiếu Nhơn rộng 86,3 km² với 115.941 người.
- Quận Hoà Vang rộng 319 km² với 182.489 người.
- Quận Quế Sơn rộng 312,6 km² với 61.610 người.
- Quận Thường Đức rộng 3.671,2 km² với 13.106 người
- Thị xã Đà Nẵng rộng 79,1 km² với 391.963 người.

-*Tỉnh Quảng Tín* có 6 quận, diện tích 4.900 km². Dân số 405.400 người.

- Quận Hậu Đức rộng 773 km² với 16.802 người.
- Quận Hiệp Đức rộng 652,8 km² với 7.729 người.
- Quận Lý Tín rộng 382,7 km² với 65.901 người.
- Quận Tam Kỳ rộng 2.218,7 km² với 160.426 người.
- Quận Tiên Phước rộng 432,4 km² với 26.310 người.
- Quận Thăng Bình rộng 440,4 km² với 128.232 người.

Như thế tính chung trước 1975 Quảng Nam xưa rộng 11.376 km² gồm 15 quận, 234 xã, 1 thị xã số dân 1.002.192 người

Ngày 19-6-1963, Quảng Nam được gọi là tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng, gồm 1 thành phố (Đà Nẵng), 2 thị xã (Hội An, Tam Kỳ) và 14 huyện. Tổng số xã phường, thị trấn là 225, trong đó gồm 206 xã, 38 phường và 11 thị trấn.

Ngày 1-1-1997, được sự phê chuẩn của Quốc Hội khoá IX tại kỳ họp thứ 10, ngày 10-10-1996, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng được tách ra gồm thành phố Đà Nẵng (gồm 5 quận Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà, Liên Chiểu, Ngũ Hành Sơn, 2

huyện Hoà Vang² và Hoàng Sa) và tỉnh Quảng Nam. Tỉnh Quảng Nam gồm thị xã Hội An, thị xã Tam Kỳ và 12 huyện.³ (Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Hiệp Đức, Núi Thành, Tiên Phước, Trà My, Hiên, Giăng⁴, Phước Sơn) tỉnh lỵ đóng tại Tam Kỳ.

Năm 1997, dân số Đà Nẵng có 672.825 người. Đến tháng 3-2005 có là 752.439 người. Năm 1997 dân số tỉnh Quảng Nam có 1.390.000 người, năm 2005 có 1.402.700 người, trong đó người Kinh chiếm đa số, đồng bào các dân tộc ít người có Cờ tu, Gié Triêng, Xê đăng, Cor có khoảng 70.000 người, chiếm 5% dân số và sống chủ yếu ở các huyện miền núi Đông Giang, Tây Giang, Nam Trà My, Bắc Trà My, Phước Sơn. Ở Đà Nẵng, đồng bào Cờ tu cư trú ở xã Hoà Phú của huyện Hoà Vang.⁵

Vậy là từ năm Gia Long đặt Quảng Nam dinh (tách phủ Tư Nghĩa, Hoài Nhơn) đến nay gần 200 năm, phần đất Quảng Nam không thay đổi. Nay, có diện tích tự nhiên 11.989 km² là một vùng đất gần như nằm vào trung độ của cả nước. Phía tây giáp tỉnh Kon Tum và lưng tựa vào dãy Trường Sơn, giáp với hai tỉnh Xalavan và Xê công của Cộng hoà nhân dân Lào;

² Ngày 5 - 8 - 2005 Chính Phủ ban hành Nghị định số 102/2005/NĐ thành lập quận Cẩm Lệ thuộc thành phố Đà Nẵng trên cơ sở các xã Hoà Thọ, Hoà Phát, Hoà Xuân thuộc huyện Hoà Vang, phường Khuê Trung thuộc quận Hải Châu.. Xã Hoà Phát chia làm 2 phường: Hoà Phát và Hoà An. Xã Hoà Thọ chia làm 2 phường: Hoà Thọ Đông và Hoà Thọ Tây.

³ Xem: **Địa lý lịch sử Quảng Nam** – Nguyễn Đình Đầu. *T/c Xưa nay* tháng 7 – 1998.

⁴ Năm 1999, Chính phủ quyết định đổi tên huyện Giăng thành huyện Nam Giang. Năm 2003, huyện Hiên được tách thành 2 huyện Đông Giang và Tây Giang, huyện Trà My được tách thành hai huyện Bắc Trà My và Nam Trà My.

⁵ Theo: **Lịch sử Đảng bộ Quảng nam-Đà Nẵng (1930-1975)**. Bản lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng. – Tr10.

phía đông giáp Thái Bình Dương; phía Nam giáp với Nghĩa Bình và phía Bắc giáp Thừa Thiên - Huế với đèo Hải Vân là ranh giới tự nhiên. Chiều ngang chỗ rộng nhất là 125 km, chỗ hẹp nhất 72 km, bờ biển dài 150 km. Trên vùng biển có Cù Lao Chàm và quần đảo Hoàng Sa gồm 120 đảo, diện tích 305 km².⁶



Bản đồ tự nhiên tỉnh Quảng Nam

Bản đồ tự nhiên thành phố Đà Nẵng

(Ảnh: Google maps)

Sau khi triều đình Huế ký các hiệp ước với Pháp, đời Đồng Khánh thứ II, phải ký đạo dụ ngày 27 – 8 năm Mậu Tý (3-10-1888) cắt 5 xã thôn: Hải Châu, Phước Ninh, Thạch Thang, Nam Dương, Nại Hiên tây tức trọn vùng “Ngũ xã” nằm tả ngạn sông Hàn, rộng 10.000 ha (20.000 mẫu ta) để làm nhượng địa (Concession) của thực dân Pháp. Đến năm 1901 lại ép buộc vua Thành Thái ký đạo dụ ngày 25-2 năm Canh Tý (15-1-1901) cắt các xã: Xuân Đán, Thạch Gián, Liên Trì, Bình Thuận, Xuân Hà, Thanh Khê, Đông Hà Khê, Yên Khê (thuộc Hoà Vang) và Mỹ Khê, An Hải, Tân Thái, Nại Hiên

⁶ Số liệu theo **Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam-Đà Nẵng (1930-1975)**. Sđd.

đông, Mân Quang, Vĩnh Yên (thuộc Diên Phước, Điện Bàn) để Pháp nói rộng nhượng địa. Như vậy, “nhượng địa Touran” ôm trọn một phần đất quan trọng ở hai bên tả ngạn và hữu ngạn sông Hàn, chiếm trọn bán đảo Sơn Trà, vịnh biển Đà Nẵng gồm 19 xã, trong đó 13 xã tả ngạn và 6 xã hữu ngạn sông Hàn.⁷

2. Cơ sở thực tiễn của tập tục

Xứ Quảng có những điều kiện có thể chọn lựa được và những điều kiện mà con người sinh sống ở đây không thể chọn lựa được.

2.1. Xứ Quảng được hình thành

Từ thế kỷ thứ XV, một vùng đất mà các lưu dân từ Thanh - Nghệ - Tĩnh vượt đèo Hải Vân đến nơi đây an cư lạc nghiệp, tiếp xúc với thiên nhiên còn đang khắt nghiệt, người dân xứ Quảng phải bỏ sức lao động, ra công ngày đêm khai phá, bạt núi, ngăn sông lập nên cơ nghiệp ngày nay. Điều kiện như vậy quả là bất biến không thể chọn lựa được mà phải chấp nhận thực tế, trực tiếp và sẵn sàng đối phó với mọi tình huống an nguy đến tính mạng có thể xảy ra. Những năm đầu (1471), khi nhà Lê mở đọt khai phá phương Nam, con người nơi đây có ít, cư trú rải rác và chen kẽ với người Chăm. Thiên nhiên lại đa dạng, những khó khăn tác động thường xuyên vào các hoạt động sinh tồn của con người. Từ đó làm nảy sinh một số tục lệ, hoặc một số hình thức cầu khẩn để mong chế ngự thiên nhiên, lâu dần trở thành thói quen, bám sâu vào đời sống người

⁷ Theo: **Lịch sử Đảng bộ Quảng Nam-Đà Nẵng (1930-1975)**. Bản thảo lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng. Tr 7.

dân xứ Quảng, nhưng tinh thần đoàn kết giữa các họ tộc với nhau được duy trì, củng cố và phát triển. Chính đó mới có thể chống lại thiên tai, địch họa.

Tuy việc hình thành vùng đất như vậy là không sớm so với nhà nước Đại Việt lúc bấy giờ, song có thuận lợi là thống nhất được đất đai, củng cố được chính quyền, sản xuất nông nghiệp luôn được đề cao chăm sóc phát triển, tạo điều kiện tinh thần, vật chất, mở đường di cư dân vào Nam, điều hoà nhân khẩu. Vì thế, với tinh thần tự nguyện lập làng, lập xóm là chủ yếu mà không có sự sát phạt nhau trong quá trình hình thành xứ sở.

Mãi về sau (đầu thế kỷ thứ XIX) khi thực dân Pháp kéo quân sang xâm lược, Quảng Nam – Đà Nẵng có biến đổi về mặt hành chánh nhưng đất đai, con người không đổi. Bước đầu phong tục có khác do ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản và chế độ thực dân, phân hoá thành những yếu tố phụ thuộc vào hoàn cảnh khách quan. Song, điều kiện bất biến vẫn được duy trì, đó là một vùng đất không bị cắt xén lâu dài mà vẫn tồn tại với tên gọi xứ Quảng như từ trước tới nay.

2.2. Tinh thần tự nguyện

Có thể nói rằng, điều kiện hình thành vùng đất Quảng do nhu cầu tự nhiên để sinh tồn của người dân Việt. Vì thế khuynh hướng tự nguyện là tiêu biểu của người dân xứ Quảng (Gia phả tộc Võ làng Đông Phước, Hoà Vang, tộc Phan ở Đà Sơn, Hoà Vang) cho chúng ta hình dung rõ thêm về tình hình cư dân vùng đất Quảng. Ngay từ những năm 1444, 1446 đã có nhiều đoàn quân trong hoàng tộc vua Lê chỉ huy đến xứ Quảng

trấn giữ biên thuỳ rồi sinh cơ lập nghiệp luôn tại đây. Gia phả tộc Phạm tại xã Phú Phong, Quế Sơn ghi lại: “ Năm Tân Tỵ (1401) Ngài (Phạm Nhữ Dực), được chiếu chỉ của Hồ Hán Thương (Thiệu Thành thứ 2) khiến di dân vào đất mới chiếm để lập thành cơ chỉ của người Việt và phong Ngài làm Chánh Đô ân vũ sứ và Nguyễn Cảnh Chon làm phó Đô tổng binh. Ngài lưu trấn tại Quảng Nam, định tổ chức chương trình cải cách nông thôn...nhưng công cuộc chưa thành thì ngài thọ bệnh từ trần vào ngày mùng 4 tháng 10 năm Kỷ Sửu...mộ táng tại làng Đồng Tràm, xã Phú Phong, quận Quế Sơn”⁸ Gia phả các tộc Nguyễn, Thái ở Bảo An (Điện Bàn) ghi lại công lao khó nhọc của tiền nhân trong những ngày đầu khai khẩn đất đai: “ ... Thấy xứ Hoà Đa đất không rộng, nước không lành bèn bàn với các ông tộc Phan, Ngô: chúng ta đã quyết vì nước quên thân, theo vua đến đây là vì sự nghiệp khai phá cho muôn đời con cháu mai sau, lẽ nào ta không tính kế lâu dài? Bèn dời đến đất này (Bảo An), thấy cây cỏ tốt tươi, đất ruộng phì nhiêu, rủ nhau ngày vào rừng đốn chặt, đêm leo lên cây để ngủ, đồng tâm hiệp lực, khai khẩn để ở...”⁹.

Khuynh hướng tự nguyện còn thể hiện ở một số cư dân đến vùng Đà Nẵng từ thế kỷ thứ XV. “ Ông (cao tổ tộc Phan) lãnh chỉ đi chiêu dụ, quan dân các châu động đều quy thuận. Ông trở về xin (vua Trần) cấp trâu, bò, dụng cụ làm nông đồng thời xin một số dân Giao chỉ đã thuần thục nghề nông và biết

⁸ Theo: Một tài liệu về cuộc di dân nam tiến của tiền nhân – Lâm Hoài Nam - Nha TTBC Sài Gòn 1959. Tr 30. Cũng xem Quế Sơn, văn hoá và thắng cảnh - Nxb Đà Nẵng 1999, ghi: Từ năm 1402 thời Hồ Hán Thương...khi mất chôn tại Đồng Tràm (Quế Phú), Tr 38.

⁹ Võ Hoàng – Công việc tìm hiểu lịch sử - văn hoá vùng Quảng Nam-Đà Nẵng qua các gia phả - Báo Quảng Nam-Đà Nẵng chủ nhật - số 49 ngày 6-12-1987.

một ít chữ nghĩa. Vua nhà Trần cho ông trông coi các xứ, thiết lập trang trại chia nhau để ở, dạy cho thổ dân chúng ta học hành và cày cấy. Ông đổi các chức châu trưởng, động¹⁰ trưởng thành chức lệnh đoàn quân, đặt các chức động trưởng, lại trưởng thành các chức cai trại tri châu. Mỗi trại dựng kho để chứa thóc dùng vào việc chi cấp cho quan, dân và chứa các thứ như thóc giống và nông cụ... Về dân số, thì dân Giao chỉ và địa phương cùng chung một ngạch tịch, về ruộng đất thì chia ra các loại công điền, tư điền đều chia ra để canh tác... Trong số dân địa phương, có người còn chấp mê tập tục cũ, không thuận theo sự khai hoá ấy, thì chia ra ở riêng thôn sách có các phu trưởng kiểm tra...”¹¹

Xuất phát từ tinh thần tự nguyện cao cả như một số gia phả đã ghi chép nên việc giữ vững đất đai, làm giàu cho quê hương xứ Quảng tiến hành có tổ chức và thường xuyên. Trải qua những biến động của lịch sử, trong đó có hai lần chống thực dân Pháp, chống đế quốc Mỹ, người dân Quảng Nam-Đà Nẵng là nơi đánh Pháp đầu tiên và đánh Mỹ cũng đầu tiên. Tự nguyện còn do nhu cầu đấu tranh chống lũ lụt, hạn hán, đặc biệt là hạn hán và bão nhiệt đới thường xuyên gây thiệt hại nặng nề cho nông nghiệp.

Từ cơ sở thực tiễn như thế, tất yếu làm xuất hiện một số phong tục, tập quán gắn liền với cuộc sống người Quảng. Chính yếu tố thiên nhiên xứ Quảng lý giải về bản lĩnh, tư chất

¹⁰ **Động**: tương đương với xã của ta ngày nay.

¹¹ Võ Hoàng – Công việc tìm hiểu lịch sử - văn hoá vùng Quảng Nam-Đà Nẵng qua các gia phả - Báo QN-ĐN chủ nhật, TL đd.

con người xứ Quảng, mà đậm nét nhất được thể hiện trong văn nghệ dân gian.

2.3. Những biến động của lịch sử dân tộc

Tác động mạnh mẽ đến xứ Quảng (nói riêng). Dưới thời các chúa Trịnh - Nguyễn phân tranh, Quảng Nam là nơi hậu phương cho chúa Nguyễn, đã cung cấp người, của cải và tinh thần phục vụ cho chúa Nguyễn trong chiến tranh. Tình hình kinh tế có khó khăn nhưng dù thế vùng đất rộng lớn này vẫn không bị chia cắt, vẫn nguyên vẹn. Biến cố lịch sử hai trăm năm phân tranh xong, liền đó là sự thống nhất đất nước do phong trào khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn đem lại đã ổn định được mọi mặt. Từ đó xứ Quảng đã có sự phát triển.

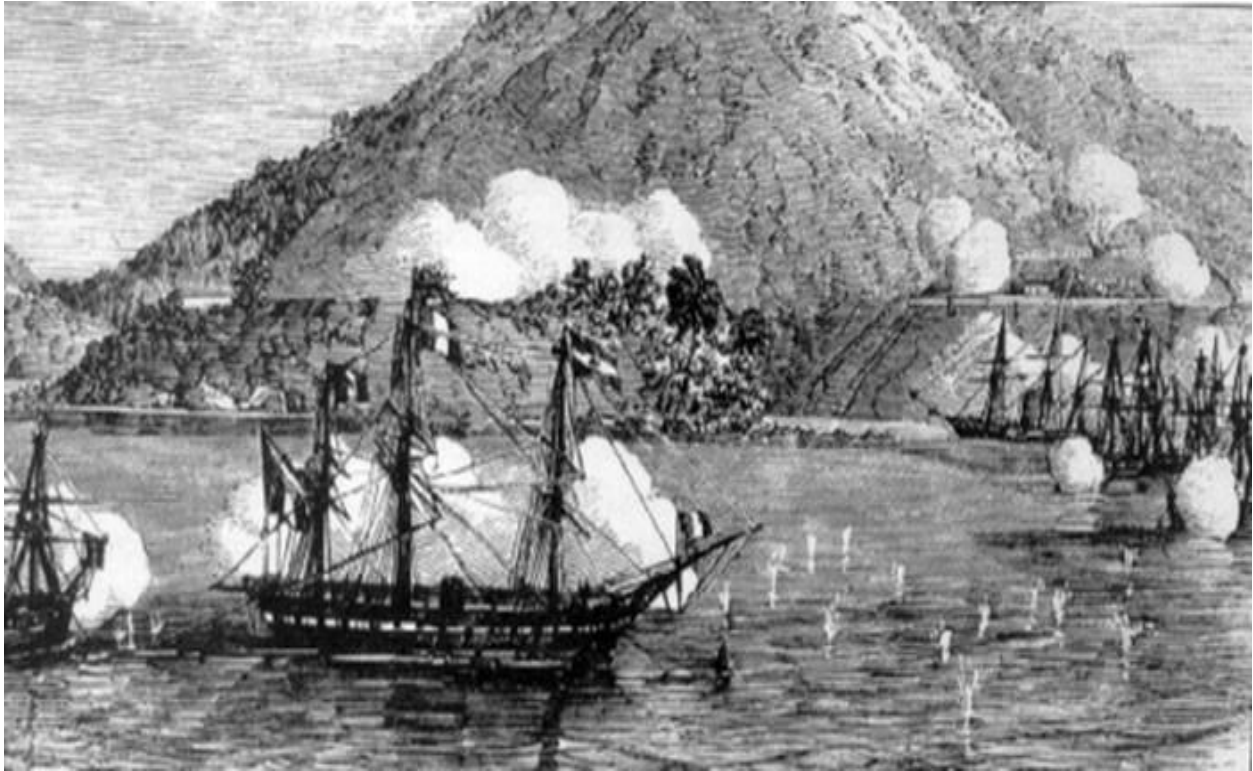
2.4. Sự xâm lược của Pháp

Sau hơn nửa thế kỷ các nước tư bản phương Tây dòm ngó Việt Nam, ngày 1-9-1958, một đội liên quân gồm Pháp và Tây Ban Nha có 2.350 quân với 16 tàu chiến do Rigaully de Genouilly chỉ huy, bắn đại bác vào cửa biển Đà Nẵng, mở đầu chiến tranh xâm lược nước ta. Đất Quảng là nơi đương đầu trước nhất. Rồi sau đó phong trào chống Pháp của nhân dân ta nổ ra quyết liệt, người dân xứ Quảng đã không tiếc máu xương cho chiến đấu và đã góp phần chiến thắng. Quyết liệt nhất là phong trào Nghĩa hội Quảng Nam (1885-1887) nổ ra do Trần Văn Dư làm hội chủ. Các thủ lĩnh Nguyễn Duy Hiệu, Phan Bá Phiến, Trần Đình, Nguyễn Thành, Nguyễn Hanh, Ông Ích Thiện đã hội quân chiếm tỉnh thành La Qua ở Điện Bàn, chiếm Sơn Phòng, Dương Yên, thành lập Tân tỉnh ở Trung Lộc (thuộc huyện Quế Sơn). Rồi phong trào Đông du và Duy tân (1903-1908) nổ ra mạnh mẽ. Đầu thế kỷ XX, tư tưởng dân chủ

tư sản từ nước ngoài ảnh hưởng vào Việt Nam, các học thuyết dân chủ, nhân quyền của Lương Khải Siêu, Khang Hữu Vi, Rousseau, Montesquieu,...truyền bá vào nước ta. Gương tự cường của Nhật theo dân chủ tư sản hấp dẫn đối với các sỹ phu yêu nước, từ đây dấy lên phong trào yêu nước và cách mạng mang màu sắc dân chủ tư sản. Ở Quảng Nam có Nguyễn Thành, Đỗ Đăng Tuyển. Cùng với phong trào Đông du là phong trào Duy tân do Phan Châu Trinh, Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng khởi xướng, chủ trương “*khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh*”. Các sỹ phu yêu nước của phong trào Duy tân lên án tầng lớp vua quan phong kiến, bài xích lối học từ chương khoa cử, vận động cải cách văn hoá, xã hội, mở mang trường học dạy chữ quốc ngữ, phát triển công thương. Văn hoá thời kỳ này cũng biến đổi cho phù hợp với đời sống thực tế. Rồi phong trào chống thuế năm 1908 vào những năm đầu của thế kỷ XX. Phong trào phát triển ngầm trong nhân dân, nhất là chống lại tầng lớp quan lại tham ô “*nhân việc sâu mà sách nhiều tiền, lại tăng không số dân lên quá số thiệt trong xã, dân các xã không chịu nổi*”. Chính đó, các ông Trương Tôn, Trương Côn, Trương Đính, Trương Hoàn ở Phiếm Ái, Lương Châu (ở Hà Tân), Hứa Tạo (ở Ái Nghĩa) “*bàn nhau làm đơn lạy chữ ký các làng xã trong huyện, tới trình viên huyện chuyển đạt lên tỉnh cùng toà sứ, xin giảm nhẹ sưu cùng các món thuế, kéo nặng quá, dân không đóng nổi*”¹² nhân dân xứ Quảng đã tỏ rõ bản lĩnh của mình trong việc dựng nước và giữ nước. Cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên - Trần Cao Vân (1916), quy tụ các sỹ phu yêu nước Phan Thành Tài,

¹² Huỳnh Thúc Kháng - *Vụ thuế ở Trung kỳ năm 1908*. Dẫn theo Thái Bạch – **Thi văn quốc cấm thời thuộc Pháp** – Khai Trí, Sài Gòn 1968. Tr 369.

Đỗ Tự (Quảng Nam), Lê Ngung, Nguyễn Suý (Quảng Ngãi). Thế nhưng khởi nghĩa thất bại ngay khi vừa mới nổ ra, nhiều sỹ phu bị thực dân Pháp bắt và bị giết, nhiều người bị đày đi Côn Đảo, Buôn Ma Thuột, Thái Nguyên.



Quân Pháp nổ súng mở đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam ngày 1/9/1858 (Ảnh: tư liệu)

Từ khi thực dân Pháp xâm lược nước ta, các phong trào yêu nước của người dân Quảng Nam – Đà Nẵng nổ ra liên tục. Nhân dân Quảng Nam –Đà Nẵng là người tiên phong trong cuộc kháng chiến chống Pháp bảo vệ Đà Nẵng, hưởng ứng phong trào Cần Vương, là vùng đất đặt bản doanh cho phong trào Đông Du và Duy Tân, là quê hương mở đầu phong trào chống thuế, là địa bàn hoạt động sôi nổi cuộc vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân.

2.5. Cách mạng Tháng Tám 1945

Do có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cách mạng thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời. Người xứ Quảng góp phần đập tan những xiềng xích nô lệ, từ địa vị thân phận làm thuê, đã trở thành người dân một nước độc lập, làm chủ vận mệnh của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá: *“Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: đây là lần đầu tiên trong lịch sử ách mạng, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc.”* Thế nhưng, năm 1946, Pháp xâm lược lần thứ 2. Lần này văn hoá, văn nghệ trong đó có phong tục tập quán đang bị phân hoá biến tướng dưới nhiều hình thức khác nhau. Người xứ Quảng cùng nhân dân cả nước lại tiếp tục chiến đấu giữ làng, giữ nước. Năm 1954, thực dân Pháp thất bại, chấm dứt gần 100 năm ngoại bang đặt ách thống trị lên đất nước và nhân dân ta. Người xứ Quảng phấn khởi cởi bỏ xích xiềng chung tay xây dựng lại quê hương. Nhưng, liền sau đó là đế quốc Mỹ nhảy vào Việt Nam.



9 giờ sáng ngày 26/8/1945 tại Tòa Đốc lý (Tòa Thị Chính) UBND cách mạng lâm thời Thành phố Đà Nẵng tuyên bố xóa bỏ chính quyền cũ, thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân và công bố 10 chính sách của Mặt trận Việt Minh (Ảnh: tư liệu)

- Sự xâm lược của Mỹ

Năm 1954, Mỹ trực tiếp can thiệp vào Việt Nam, đến 1965 đưa quân sang Việt Nam. Xứ Quảng là nơi “đầu sóng ngọn gió” đánh Mỹ. Đánh Mỹ có gian nan thử thách, người xứ Quảng cũng chịu đựng được. Đây là thời kỳ làng xóm tiêu điều, phong tục hỗn loạn. Không riêng gì cho xứ Quảng mà cả miền Nam đều thế. Đến 1975, non sông thu về một mối, cùng với nhân dân cả nước, người xứ Quảng lại bắt tay xây dựng lại xứ sở của mình sau 21 năm chiến đấu kiên cường.

Xem thế, người xứ Quảng gặp phải điều kiện ác liệt, tác động vào tư tưởng và hành động một cách liên tục. Trong điều kiện đó sâu đậm nhất là hai cuộc chiến tranh giữ nước đã gây

xáo trộn nhiều đến phong tục, tập quán của người dân. Thế nhưng, người xứ Quảng cùng với nhân dân cả nước chiến thắng được kẻ thù xâm lược với khí phách hiên ngang, nói tiếng nói lạc quan của một vùng đất kiên cường. Cứ mỗi lần chiến đấu và chiến thắng, người dân xứ Quảng lại tin tưởng bắt tay vào việc xây dựng quê hương, làng xóm, mong có thanh bình yên ổn.



Các binh sĩ thuộc Lữ đoàn 9 lực lượng Viễn chinh Mỹ xuống xà lan và đổ bộ vào bãi biển Đà Nẵng ngày 8/3/1965 (Ảnh: AP)

2.6. Nằm ở phía nam đèo Hải Vân

Nằm về phía Nam đèo Hải Vân, điều kiện như vậy là bất biến. Việc người Việt di cư vào Nam, băng qua Hải Vân hiểm trở có mang theo tinh thần Đại Việt, hào khí Đông A vẫn chưa vì thế mà phai nhạt. Do đó việc mang theo một số phong tục

từ quê hương xứ sở ra đi được thực hiện tại vùng đất mới, nhất là phong tục ngày Tết, tục các ngày hội lễ... là in dấu ấn sâu đậm nhất. Nhân dân ra đi mang theo trong tâm trí của mình tinh thần tự cường dân tộc, ở vùng đất mới, họ phát huy hết mọi khả năng, tài trí, bản lĩnh của mình, nỗ lực khai thác hết những mặt mạnh có được để hình thành nên bản sắc riêng cho mình, phù hợp với điều kiện khách quan nơi cư trú. Từ đó dần dần hình thành nên phong tục mới tương ứng và ảnh hưởng lẫn nhau. Và, sau đó càng mở đất dân vào Nam, yếu tố Chăm phai nhạt dần.

2.7. Nằm về phía Bắc Chăm pa

Ngay những năm đầu (1470, 1471) khi mới lập làng, xứ Quảng nằm sát Chăm Pa, đây là một nhà nước phong kiến phát triển tương đối sớm (Thế kỷ XV), ảnh hưởng sâu đậm văn hoá Ấn Độ. Xã hội Chăm Pa tổ chức không chặt chẽ, chế độ phong kiến không tập quyền nên có cơ hội chia thành nhiều vương quốc (kể cả Chân Lạp và Khome). Xứ Quảng nằm sát Chăm Pa nên có quan hệ tự nhiên, do vậy giao lưu tinh thần là tất yếu xảy ra. Có thể người xứ Quảng du nhập vào Chăm Pa nhiều phong tục, tập quán; đồng thời Chăm Pa cũng để lại vùng Quảng Nam – Đà Nẵng nhiều phong tục. Từ đó người xứ Quảng cải biến, chọn lọc cho phù hợp với thói quen của mình, biến những yếu tố ngoại lai thành những thành tố trong một số phong tục để không làm mất đi bản sắc người Quảng. Quá trình tiếp thu, biến đổi đó diễn ra một cách tự giác. Mục đích vay mượn nhằm cùng với các yếu tố của phong tục gốc tạo nên giá trị phổ biến, phù hợp mà vẫn giữ được bản sắc độc đáo của mình. Bản sắc ấy là một quá trình nội tại tự lực do đầu

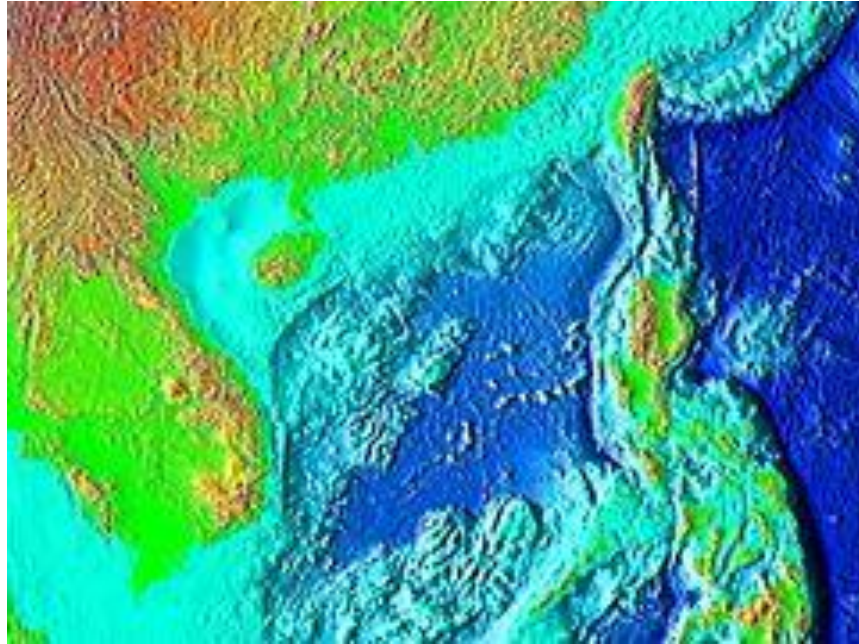
tranh chống thiên nhiên, chống lại các thế lực siêu nhiên khác, chống lại kẻ thù xâm lược mà có. Tuy có bóng dáng gốc gác xa xưa nhưng đã có nhiều bổ sung gạn lọc, kết hợp nhuần nhuyễn, mặc dầu trong nhiều phong tục, không phải phong tục nào cũng có yếu tố tiến bộ, tích cực mà ngược lại nhiều thành tố mang đậm dấu ấn của siêu hình, huyền bí không thể giải thích được.

Khi hành trình người xứ Quảng mở thêm giang sơn, bờ cõi được nới rộng đến hết đồng bằng Nam bộ, tận Mũi Cà Mau, phong tục cơ bản đã ổn định. Nay, đất nước liền một dải, giao lưu văn hoá giữa các miền phong phú, đa dạng, thống nhất.

2.8. Nằm về phía tây biển Đông

Biển đông là ranh giới tự nhiên, đồng thời đây là cửa ngõ thông thương ra ngoài. Từ biển đông vào, có thể có du nhập văn hoá ngoại lai, giao lưu với các nền văn hoá khác, làm giàu thêm, bổ sung thêm phong tục tập quán lâu đời bằng những thành tố tiến bộ, phù hợp với con người xứ Quảng mà không làm mất đi tinh thần nhân văn sâu sắc. Vị trí của trấn Quảng Nam vào thế kỷ thứ XV với hai cửa bể quan trọng Đà Nẵng và Hội An, đặc biệt nổi bật trong lịch sử phát triển của dân tộc ta nói chung và cho Quảng Nam nói riêng. “ Điều quan trọng là chính trên mảnh đất này, người Việt, người Chăm Pa, người Trung Quốc, người Nhật và cả những người Châu Âu đã đến giao dịch, buôn bán làm ăn sinh sống. Do đó đất Quảng Nam đón nhận rất sớm nhiều luồng giao lưu văn hoá: thợ gốm Thanh Hà, thợ mộc Kim Bồng có tài chạm trổ, thợ đúc đồng nhôm lão luyện, thợ dệt lụa, dệt sa tài giỏi, khéo tay ngày nay

còn truyền nghề lại, có lẽ đã có từ thời kỳ này trong lịch sử mở nước”.¹³



Biển Đông (Internet)

2.9. Các dòng sông

Xứ Quảng còn có cơ sở thực tiễn bất biến nữa là các con sông chảy trong địa bàn của vùng như sông Thu Bồn, bắt nguồn từ Chiên Đàn chảy qua các huyện Trà My, Phước Sơn, Hiệp Đức, Quế Sơn, Duy Xuyên và đến Giao Thủy (thuộc Đại Lộc), sông tiếp nhận nguồn nước lớn của sông Vu Gia từ nguồn Ô Gia chảy xuống. Từ Ô Gia hai con sông Tranh và sông Bung hợp lưu tại mũi Lợn thành con sông Cái. Sông Cái chảy đến bến đò Ba Bến thì tiếp nhận nguồn nước của sông Con rồi tiếp tục đổ xuống Giao Thủy với tên gọi là sông Vu Gia. Từ Giao Thủy, sông Thu Bồn xuôi xuống Điện Bàn, Hội An nhận thêm nguồn nước sông Ly Ly từ Quế Sơn, Thăng

¹³ Xem: Văn hoá văn nghệ dân gian Quảng Nam-Đà Nẵng, Tập 1 Nxb Đà Nẵng 1983.

Bình chảy ra, sông Bà Rén từ Duy Xuyên đổ xuống và nước của sông Trường Giang rồi đổ ra cửa Đại. Sông Trường Giang chạy dọc theo vùng cát ven biển, nối cửa An Hoà với cửa Đại, nối sông Tam Kỳ - một con sông lớn ở phía Nam của tỉnh, có diện tích lưu vực 300 km², bắt nguồn từ 10 con suối ở Đông Trường Sơn, đổ ra cửa biển An Hoà - với sông Thu Bồn. Một phân lưu của sông Thu Bồn là sông Vĩnh Điện chảy qua phía Bắc của tỉnh, hợp lưu với sông Cẩm Lệ thành con sông Hàn đổ ra vịnh Đà Nẵng. Ngoài ra, vùng còn có một số sông nhỏ Cu Đê, sông Túy Loan (Yên), sông An Tân, sông Tiên.¹⁴



Một đoạn sông Thu Bồn (Internet)

Với đặc điểm về mạng lưới hơn 940 km đường sông như vậy đã nối liền các vùng miền với nhau không chỉ về kinh tế

¹⁴ Theo: **Lịch sử Đảng bộ Quảng nam-Đà Nẵng (1930-1975)**. Bản lưu tại Ban Tuyên giáo Thành uỷ Đà Nẵng. – Tr10.

mà còn về văn hoá giữa các địa phương, giữa Hội An-Đà Nẵng-Vĩnh Điện-Tam Kỳ, tạo nên lợi thế trong phát triển . Ngay từ thời xa xưa trong lịch sử mở đất, khi nói về đất Lu Dung, Hán thư đã chép rằng: *“Ở Lu Dung có bến nước lợm vàng, thế truyền tại sông Tranh và sông Tu thuộc đạo Trà Nô, phủ Thăng Bình thường có sản xuất vàng”*. Và, Lê Quý Đôn trong Phủ biên tạp lục cũng cho biết: *“Trà Tế cũng như Trà Nô là những ngọn núi có kim khí rất vượng, thường có một đường từ trong đất đi xiên xéo ra, khí vàng bốc nổi lên trên cũng có đường đi thẳng, đường đi ngang qua núi khác. Núi nào có vàng thì đất mềm, không có thì đất cứng”*.¹⁵

Chính vì ảnh hưởng của các giòng sông nên hình thành cuộc sống, cả tâm sinh lý phù hợp với cơ sở thực tiễn, từ đó làm xuất hiện một số phong tục có liên quan đến sông núi. Do lũ lụt uy hiếp hoặc hạn hán sông khô kiệt, cuộc sống khó khăn làm nảy sinh tính cần cù, đoàn kết trong công việc nhà nông. Dọc theo các triền sông, hoàn cảnh quyết định cho công cuộc mưu sinh của con người xứ Quảng, từ đó hình thành nên tư duy thích nghi với môi trường được lặp đi lặp lại thành quen trở thành phong tục gắn liền với đời sống sông nước của những người vùng sông biển. Có thể có tập tục trong việc đánh bắt cá, tục đóng ghe thuyền thường lặp đi lặp lại hàng năm ổn định. Vai trò các giòng sông là rất lớn trong văn minh nhân loại, dọc theo các lưu vực của các con sông lớn, con người bắt đầu cấy trồng lúa nước đầu tiên có năng suất vượt xa ruộng rẫy trước khi tiến lên nền nông nghiệp cơ khí. Thế nên, có thể

¹⁵ Dẫn theo: Văn hoá văn nghệ dân gian Quảng Nam-Đà Nẵng. Tập 1. Nxb Đà Nẵng 1983.

nói các dòng sông xứ Quảng cũng là cơ sở bất biến không thể chọn lựa được.

2.10. Về địa hình, khí hậu thủy văn

Xứ Quảng tương đối phức tạp do bị cắt xén nhiều, song vẫn có các dạng địa hình chính: núi cao, đồi gò, trung du, đồng bằng.

Núi cao phân bố phía Tây, Tây bắc và Tây nam, độ cao trung bình 500 – 1000 mét nằm trong hệ thống dãy Trường Sơn như Ngọc Linh (2.567m), Lum Heo (2.045 m), Núi Tiên (2.032 m), Bà Nà-Núi Chúa (1.480 m), Núi Trung Mang (1.708 m). Núi cao có độ dốc theo hướng từ Tây sang Đông, càng về Đông nam địa hình thấp dần.

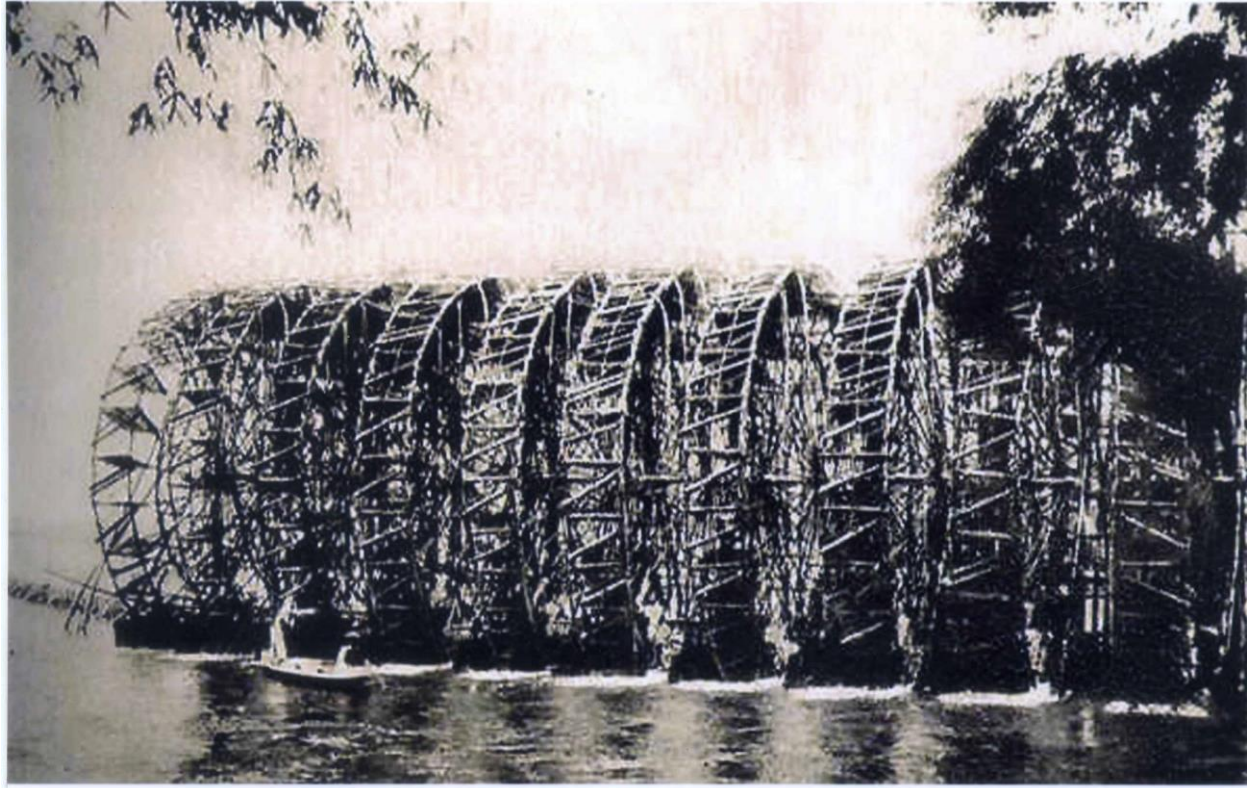
Vùng đồi gò có đồi cao, núi thấp chuyển tiếp từ núi cao xuống. Độ cao trung bình 100 – 500 mét. Vùng có sự chia cắt mạnh, dốc từ 20 – 25 độ, tạo thành thung lũng hẹp và sâu.

Vùng trung du đặc trưng như các huyện Quế Sơn, Hiệp Đức, Tiên Phước, vùng Tây huyện Hoà Vang, Đại Lộc, Duy Xuyên, Thăng Bình, thị xã Tam Kỳ, Núi Thành độ cao bình quân từ 50 – 100 mét, dốc từ 10 – 15 độ.

Vùng đồng bằng tương đối bằng phẳng, tập trung phía Đông.

Xứ Quảng nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chia làm hai mùa: mùa mưa trùng với mùa đông, mùa khô trùng với mùa hạ. Lượng mưa trung bình 2.000 – 2.700 mét. Nhiệt độ trung bình 25,7 độ C. Biến thiên nhiệt giữa các mùa, tháng không lớn, chế độ mưa tương đối đều.

Từ tháng 11 – 3, là mùa đông, trời mát, se lạnh, mùa hè từ tháng 4 – 8, có năm do ảnh hưởng của gió Tây nam (gió Phơn) vượt qua Trường Sơn gây nóng bức, có nơi trở nên khô hạn. Tuy nhiên lượng mưa hàng năm cao, độ ẩm lớn là điều kiện cho thực vật phát triển, đất đai phân hoá trở nên tốt hơn, ngành nông nghiệp do đó ảnh hưởng thuận lợi. Chế độ mưa nắng như vậy tạo điều kiện cho cây lúa phát triển nhanh, có năng suất. Do đặc điểm chế độ mưa trong năm đến chậm, bắt đầu cuối tháng 8 đầu tháng 9, kết thúc tháng 12 hoặc tháng 1, chênh lệch so các vùng nên dễ gây nên ngập úng, lại do độ dốc lớn nên xói lở, bào mòn đất có độ che phủ kém, đất trở nên bạc màu. Đối với mùa khô do ít mưa nên đất biến chất, dễ trở thành đất phèn, đá ong, đất thoái hoá dần. Tháng 5,6,7 lượng mưa ít ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp.



Guồng nước trên sông xứ Quảng xưa (Ảnh: TL)

2.11. Nền nông nghiệp kế thừa và phát triển:

Mặc dầu phát triển chậm, ít thay đổi, song là nơi vùng đất mới khai phá nên đất đai màu mỡ, năng suất lúa cao. Trong Phủ biên tạp lục, Lê Quý Đôn viết: “*Xứ Quảng Nam là đất phì nhiêu... Ở phủ Thăng Hoa, phủ Điện Bàn đồng ruộng rộng rãi, gạo lúa tốt...*”. Trong nông nghiệp, những năm đầu mới dựng cơ nghiệp quả là chật vật, người ít,¹⁶ đất rộng, rừng, núi đồi lại nhiều, thiên nhiên thường xuyên áp đảo con người, khả năng người Quảng có hạn trong vòng tay nên giải thích các hiện tượng tự nhiên thông qua chức năng các thần, tin và nhờ vào

¹⁶ Dân số ước tính của phủ Điện Bàn 1555 – 1777: Năm 1555 có 66 xã, 5.808 hộ, 29.040 người; năm 1777 có 197 xã, 17.336 hộ, 86.680 người. Tỷ lệ tăng 0,78 %/năm. Theo Li Tana: *Xứ Đàng Trong, lịch sử - kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ thứ 17 và 18*. Nxb Trẻ 1999. Tr 53.

lực lượng siêu nhiên là chủ yếu. Tuy vậy do nhu cầu sinh tồn vẫn phải từng bước khắc phục khó khăn làm chủ thiên nhiên. Việc nhà nông làm lúa nước đòi hỏi các yêu cầu; một là: tốn nhiều lao động để canh tác, song điều kiện đi từ ngoài vào người không đông, thêm nữa người có kinh nghiệm trong nông nghiệp không nhiều, ở rải rác từng vùng, khó tập trung được nên bước đầu phải tự lực cánh sinh là chủ yếu; hai là: cần công trình kênh mương, chống sâu úng, tưới tiêu cho ruộng nhưng cũng gặp phải hạn chế do lực lượng lao động và công cụ lao động chưa cho phép tạo nên thế mạnh để sản xuất, cuộc sống do vậy mà khó khăn, để có lương thực, thực phẩm phải lao động chân lấm tay bùn mới có đủ; ba là: nhất thiết phải có đức tính cần kiệm, mặc dù thiên nhiên có ưu đãi, song không phải lúc nào cũng có thuận lợi. Trong cuộc sống thường ngày có lúc cũng nghèo túng, điều kiện sản xuất có lúc, có nơi khắt nghiệt, đồng ruộng có nơi không liền nhau mà dãy Trường Sơn đâm ta tận biển, cắt xén đồng bằng, cồn cát vây quanh tạo nên nhiều cánh đồng không thuận lợi cho dẫn thủy nhập điền. *“Trong nước dân rất khổ, đất ruộng ít ỏi, dân chẳng đủ ăn. Dân thuở trước một dải Thuận Hóa, Hội An đều sống nhờ lúa của các hạt khác, kiếm đủ cơm ăn không phải chuyện dễ; hoặc dùng cá tôm ra quả ăn trừ cơm, hằng ngày bữa no bữa đói thất thường. Sau núi trước biển chỗ nào có bãi cát thì dân cát nhà ở; tùy số dân nhiều ít, tập hợp làm một xã, xã có cai, có xã trưởng. Ruộng cấy lúa, hoa lợi phải nộp vào công khổ chừng bảy tám phần mười, dân chỉ được hưởng hai ba phần mà thôi. Ngoài ra có người làm nghề đánh cá, hái củi, đem về nộp cả cho bọn Cai, Trưởng. Bọn này cấp hoàn cho bao nhiêu được nhờ bấy nhiêu. Thế mà còn phải nộp thuế*

thân mỗi năm 12.000 đồng tiền (hai quan), và các thứ tre gỗ muối gạo tùy theo thổ sản.”¹⁷ Chính đó, lại thêm tuy thiên nhiên có hào phóng, song đôi khi cũng khắt khe, gây trở ngại cho sản xuất. Nay không phải không còn, nhất là miền trung du, miền núi.



Hương lúa (nongnghiep.vn)

Do điều kiện sản xuất nông nghiệp lúa nước là chủ yếu nên nhân dân xứ Quảng từ đó hình thành nên đức tính cần cù, chịu khó trên đồng ruộng quê mình. Thiên nhiên không thể áp đảo được con người muốn vươn lên tự khẳng định dấu ấn của mình trên một vùng đất. Trong lao động thời kỳ đầu không trông vào giờ giấc mà cho dù có biết nhìn vào mặt trời để ước lượng thời gian cũng phải ra đồng đến tối mới về nên *một nắng hai sương* là thành ngữ quen thuộc của họ. Tinh thần bộc trực,

¹⁷ Theo Thích Đại Sán: *Hải ngoại ký sự* - Viện Đại học Huế 1963. Tr 105.

thẳng thắn, tư chất cứng cỏi, kiên cường do đó mà có. Trong nông nghiệp sản phẩm làm ra đủ sống, có dư dật đôi chút để trao đổi qua lại nhưng ít, để tái sản xuất. Những cánh đồng lúa do đất hẹp, người xứ Quảng lại ra công vỡ hoá thêm nhanh chóng. Dù có vất vả trong nông nghiệp nhưng vẫn nhìn nhận thiên nhiên vốn ưu đãi con người, do nằm vào vị trí mà xưa nay nổi tiếng về sản phẩm nông nghiệp, “*Hoà Vang có ruộng muối, Ngũ hành sơn có cẩm thạch, nguồn Ô Da có sáp ong... danh mộc rất nhiều... đất đai phì nhiêu, dân cư trù mật.*”¹⁸ là điều kiện cơ bản để xây dựng quê hương Quảng Nam giàu đẹp. Lại thêm, Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc là nơi có nhiều ruộng thích hợp cho cây mía, những nơi này chuyên sản xuất đường bát, đường non, đường bông, đường cát. “*Có đường thạch khối, đường băng hoa, đường đen, đường mật.*”¹⁹

Thời kỳ đầu mở đất có khó khăn nhưng dần về sau nền nông nghiệp lúa nước phát triển nhanh chóng, các loại cây hoa màu khác cũng được tạo điều kiện sản xuất cho năng suất lớn. Thuộc lá Cẩm Lệ, Bến Dền có hương vị đậm đà, nổi tiếng xưa kia. Đến nay thuộc lá Cẩm Lệ vẫn được nhiều nơi trong nước ưa chuộng. Nghề trồng dâu nuôi tằm, trồng bông dệt vải phát triển mạnh ở Điện Bàn, Duy Xuyên, Đại Lộc. Lụa Duy Xuyên là một sản phẩm nổi tiếng của xứ Quảng. Nghề trồng bông, dệt vải phong phú, giàu có nhất là Phong Thử, La Qua, La Kham, Thanh Quýt. Nghề dệt chiếu ở Bàn Thạch, Yên Nê, Hoà Nhuận. Kim Bồng nổi tiếng là thợ mộc lành nghề, tinh xảo, đã từng chạm trở lạng tằm cho các vua triều Nguyễn. Thanh Hà nổi tiếng là nơi sản xuất gạch ngói, bát, nôi. Non

¹⁸ Theo **Đại Nam nhất thống chí**.

¹⁹ Theo Lê Quý Đôn - **Phủ biên tạp lục**.

Nước có nghề chạm đá thành sản phẩm mỹ nghệ, được nhiều nơi trong cả nước ưa thích. Ở Nam Ô nổi tiếng với nghề làm nước mắm, pháo...

Đến nay trong nông nghiệp đã thay đổi gần như toàn bộ quá trình sản xuất, thiên nhiên không còn áp đảo con người được nữa. Đã có những công trình tưới tiêu cho ruộng lúa, năng suất lúa cao hơn, cuộc sống của người dân đã khác xưa. Ngay cả những đường cày cũng thay đổi, từ cuốc bằng tay đến trâu, bò cày và nay máy móc được áp dụng vào sản xuất trên đồng ruộng quê hương.

Sau khi đã định cư sinh sống ổn định, trong nhân dân xứ Quảng đã xuất hiện “*việc dờn dờn phong tục, chợ không hai giá, dân chẳng ăn trộm*”.²⁰ Điều này chứng tỏ rằng, bằng sức sống mãnh liệt và khả năng cải tạo thiên nhiên để sinh sống, tồn tại của con người xứ Quảng, họ đã không vì đất đai, thời tiết khắc nghiệt, chương khí của núi rừng, bất kể những thử thách lớn lao của thiên nhiên, những gian nan nguy hiểm đêm ngày trên quãng đường nam tiến, họ vẫn sống và trụ bám trên vùng đất lạ lòng, mới mẻ để quyết xây dựng được xứ sở như hôm nay.

2.12. Tàn dư của công xã nông thôn:

Công xã nông thôn ảnh hưởng khá lâu dài trong đời sống người dân xứ Quảng. Điều kiện lịch sử này là bước chuyển tiếp từ Đại Việt vào quê hương mới từ thế kỷ XV. Đến xứ Quảng, ít nhiều còn giữ lại trong thời kỳ đầu xây dựng và lâu bị bãi bỏ, do chế độ quân chủ kéo dài. Mãi đến năm 1945 mới

²⁰ Theo: **Việt sử xứ đàng trong** – Phan Khoan.

có thể phá được hình thức công xã. Với hình thức công xã, các thành viên trong công xã có quyền hạn nhất định, có tập tục tương đối ổn định. Chính quyền nhà nước không quản lý từng người mà quản lý theo đơn vị làng xã. Nhà nước nắm đội ngũ lý trưởng, do đó, từ đây tạo nên cường hào, sách nhiễu nhân dân. Mỗi làng có bờ tre bao bọc, đường vào làng không có cổng làng như quê hương bản quán người Quảng mà có thể vào làng bằng nhiều ngõ khác nhau, có thể đầu làng, nhưng cũng có thể cuối làng hoặc cắt ngang bờ tre là có thể vào làng. Xem thế, do điều kiện mới nên cây đa giếng nước đầu làng ít thể hiện như quê hương bản quán của họ. Đình làng không nhất thiết phải nằm giữa làng mà có thể nằm nơi nào thuận tiện nhất là được. Đình làng là nơi hội họp toàn dân và của tầng lớp thống trị, nơi đây duy trì một ít dân chủ có tính công xã. Chế độ phong kiến không tuyên bố dân chủ mà thường xuyên nói đến chế độ quân chủ. Mỗi khi họp làng hay nhóm làng thường gõ mõ tập trung lại, từ kẻ có chức đến bô lão, thằng mõ... đủ cả, tập trung đến Đình bàn việc làng. Tại đình làng mặc dầu không nặng nề về mặt tiên chỉ, thứ chỉ làng nhưng vẫn có. “Phép vua thua lệ làng” thường xuất hiện trong những trường hợp này. Trong phạm vi đó, mỗi công xã có đặt ra lệ cho làng do đó người dân trong làng theo đó thực hành mà không cưỡng lại được. Phong tục, tập quán cũng trên cơ sở đó hình thành, duy trì và thực hiện.

Tuy thế, hình thức công xã sơ khai buổi đầu mới lập nên làng xóm ở xứ Quảng cũng đã góp phần cản trở những phong tục hủ bại từ ngoài đưa vào mà vẫn giữ được những phong tục tốt, lành mạnh có truyền thống lâu đời, được người dân thừa nhận. Mãi về sau này một số làng mới thành lập có khả năng

du nhập nhanh chóng tư tưởng ngoại lai như đạo Thiên chúa và một số đạo khác, tư tưởng tư sản, tiểu tư sản. Về mặt ruộng đất, xứ Quảng từ thế kỷ XV đến trước cách mạng Tháng Tám 1945, chế độ chia ruộng đất cho đàn ông, không chia cho đàn bà nên tiếp tục duy trì tư tưởng trọng nam khinh nữ vốn đã có. Mãi sau cách mạng Tháng Tám 1945, tình hình phân biệt nam nữ mới có cơ sở để cải thiện và chấm dứt cùng với sự thất bại của hệ tư tưởng phong kiến. Theo đó, một số phong tục, tập quán lạc hậu dần dần theo tháng năm biến mất trong bản giá trị tinh thần người Quảng.



Nỗi niềm với mẹ miền Trung (nongnghiep.vn)

2.13. Gia đình người Quảng:

Về mặt gia đình, đơn vị nhỏ nhất của tổ chức làng xã cũng là cơ sở thực tiễn bất biến từ xưa đến nay. Từ khi là những lưu

dân đặt chân lên “xứ sở lạ lùng” để mưu sinh, nơi rộng biên cương cho đất nước thì ngày ấy gia đình vẫn là yếu tố cơ sở. Gia đình xứ Quảng xưa khác bây giờ, thời ấy, một gia đình có thể đông, rộng, có ông bà, cha mẹ, con cái...nếu có tứ đại đồng đường thì càng tốt. Vì như thế làm cho sức mạnh gia đình tăng lên, đủ sức cải tạo được thiên nhiên, chống lại các thế lực khác có hiệu quả. Do vậy, một tộc họ tập trung sinh sống trong một làng, ít khi phân tán đi xa. Trong gia đình phú hộ đôi khi kèm theo tô tử, tổ chức theo chế độ gia trưởng, người cha trong nhà là quan trọng hơn cả. Cha chết, con trai trưởng thay thế nắm quyền điều khiển gia đình. Xây dựng gia đình trên cơ sở gia trưởng, song có mặt bình đẳng hơn. Trong gia đình thường là “*thuận vợ thuận chồng, tát biển đông cũng cạn*”, nghĩa là có sự phân công tự nhiên đàn ông làm việc nặng, đàn bà làm việc nhẹ. Những công việc lớn, hệ trọng như làm nhà cưới vợ, gả chồng cho con, bán nhà, bán đất, tạo thêm tư liệu sản xuất do đàn ông quán xuyến. Đàn bà thường giữ vai trò nhỏ như bán gà, vịt, heo...và làm những công việc nội trợ.



Lều tranh và canh bầu (báo Đồng Nai điện tử)

Nhưng, quá trình phát triển của xã hội không dừng mà tiến lên phía trước, biến đổi thường xuyên, theo đó gia đình đã có sự thay đổi lớn, từ đông người tách ra thành nhiều hộ. Nhất là từ sau 1945, hệ tư tưởng mới được phổ biến, chế độ gia trưởng phai nhạt dần cùng với sự thất bại của hệ tư tưởng phong kiến. Nay, chế độ gia trưởng đã hoàn toàn được bãi bỏ, thiết lập quan hệ bình đẳng giữa vợ với chồng. Giải quyết nhiều vấn đề thuộc phạm vi gia đình trên tinh thần “*của chồng công vợ*” và theo Luật Hôn nhân gia đình.

Chế độ quân chủ kéo dài là một thực tiễn có ảnh hưởng lớn đối với tinh thần của người dân xứ Quảng, tạo nên trong tư duy mỗi người những điểm tâm lý không tốt. Tôn ti, trật tự, thứ bậc, gia trưởng, bảo thủ, cực đoan, không bình đẳng.. cũng từ cốt lõi của chế độ quân chủ mà nên. Thêm vào đó, các tục lệ do làng đặt ra ở vùng đất mới, quyền thế xuất hiện trong việc phân chia đất công, ruộng vườn, tạo nên ở mỗi người có ý hiếu danh, duy trì những tập tục lạc hậu kéo dài. Nay tình hình trên đã được chấm dứt nhưng đây đó vẫn còn rơi rớt lại, cần phải tiếp tục loại trừ ra ngoài bảng giá trị tinh thần người Quảng.

2.14. Những cuộc cải cách dân chủ tư sản:

Những cuộc cải cách này có ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của nhân dân. Cải cách của các cụ Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp (bộ ba Quảng Nam) dưới thời thực dân Pháp xâm lược, đã để lại những dấu ấn sâu đậm trong nhân dân, dễ nhìn thấy nhất là tập trung phản ánh trong những bài về cổ vũ đời sống mới còn lưu hành đến ngày nay.

Ảnh hưởng tư tưởng của Rousseau, Montesquieu - những nhà cách mạng tư sản dân quyền Pháp – và tư tưởng duy tân Trung Quốc như Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu, và công cuộc duy tân của Minh Trị Thiên Hoàng ở Nhật đã có ảnh hưởng đến phong trào duy tân ở Quảng Nam. Cụ Huỳnh Thúc Kháng viết: “*Đông nội* mịt mù, đêm dài dằng dặc, bỗng gà hàng xóm gáy lên một tiếng, quần chúng tỉnh mộng. Tân thư vào nước ta, học giới nước ta sẵn có tư tưởng quốc gia, đọc sách báo trên như trong buồng tối thấy tia sáng lọt vào. Những học thuyết mới, cạnh tranh sinh tồn, nhân quyền tự do như một tiếng nổ ù ù có sức kích thích mạnh nhất vào tâm não người Việt Nam ta”. Những nỗ lực cải cách đã mang lại ảnh hưởng lớn trong quần chúng nhân dân, song chưa thật sự đủ mạnh để có thể xoay chuyển được tình thế mà vẫn bị ràng buộc bởi hệ tư tưởng phong kiến và chế độ thực dân Pháp xâm lược trì kéo.

Vì thế, nhìn chung dưới thời phong kiến không có khái niệm tiến bộ mà chỉ có tư tưởng yên là được, làm sao cho yên dân, dân phục tùng là xem như đã giữ yên được xóm làng. Chính vì tư tưởng này nền khoa học kỹ thuật ít chú trọng, mặc dầu cũng có những thành tựu trong sản xuất lúa nước.

Có thể nói thực tiễn của vùng đất Quảng Nam xưa chính là cơ sở, là điều kiện cho con người xứ Quảng phát triển và duy trì từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mỗi thế hệ đều có cái mới phát sinh, nhưng đồng thời những phong tục lạc hậu, dần được đưa ra khỏi đời sống người dân, đưa ra khỏi bảng giá trị tinh thần. Trên cơ sở thực tiễn này, vùng văn hoá phát triển có quy mô, có khi có các yếu tố khu biệt của vùng trở thành cái riêng của xứ Quảng. Trong vùng văn hoá này, phong tục,

tập quán, văn nghệ cũng có những nét riêng, đây là thành tựu phong phú riêng của mỗi miền góp phần làm cho cái chung rộng lớn, đa dạng và phong phú. Từ cơ sở thực tiễn, phong tục được hình thành và được bảo lưu sử dụng, tuy nhiên có những phong tục cho từng thời, có phong tục đi liền dài lâu với sự có mặt của con người: phong tục ngày Tết,²¹ cưới hỏi, ma chay..., còn có những tập tục lạc hậu không phù hợp với tinh thần tiến lên của cộng đồng đã được bỏ dần cùng với nhận thức mới của mỗi người dân về thế giới khách quan.

Xứ Quảng từ thế kỷ XV mới được khai phá và đưa vào bản đồ Đại Việt . Quy mô khai phá tiến hành đều đặn, trường kỳ không kém phần gian khó. Là một vùng đất trù phú, trải qua công sức cải tạo lâu dài của cha anh, nay đồng bằng chiếm 12% diện tích, phần còn lại là đồi núi. Dẫu ít, đồng bằng vẫn là nơi cấy trồng cây lúa nước và các loại rau màu phụ vẫn được xem là màu mỡ so với các đồng bằng khác trong miền. Khí hậu xứ Quảng điều hoà, thuận lợi cho nông nghiệp, năng suất lúa cao. Nay, phát huy thuận lợi là cơ bản, người dân xứ Quảng dân số đông lên, phát triển nhiều ngành nghề, kinh tế tăng trưởng, có nền nông nghiệp hiện đại, công nghiệp dịch vụ đang trên đà phát triển bền vững, kịp với sự phát triển chung cả nước, góp phần làm phong phú một vùng đất, đóng góp phần mình vào giá trị và sự phát triển chung của cả nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

²¹ Xem: **Tết xứ Quảng** – Võ Văn Hoè – Nxb Đà Nẵng 2005.

PHỤ LỤC II

TƯ TƯỞNG TRIẾT LÝ CỦA TẬP TỤC

Ngay từ khi mới quy dân lập làng, lập ấp, cuộc sống của người Quảng còn hết sức khó khăn. Muốn tồn tại, người xứ Quảng phải khắc phục những khó khăn do môi trường nơi sinh sống đặt ra, tiến lên thiết lập một vùng đất có các đơn vị hành chính quy cũ. Cơ sở thực tiễn luôn là trực quan sinh động tác động thường xuyên vào nhận thức của con người, cho nên đầu tiên là nhận thức thế giới tự nhiên quanh mình và nhận thức chính mình trong hoàn cảnh hiện thực đó.

Nói thế giới tự nhiên là lực lượng thiên nhiên như: mưa nắng, gió bão, sấm sét, lụt lội, hạn hán, những vụ cháy rừng..., các dã thú trên rừng luôn là lực lượng đáng sợ. Tất cả có thể làm chết người mà việc hạn chế và nhận thức được lực lượng này ngay từ thuở ban đầu ấy, quả là vô cùng bí hiểm. Bởi thế, ngay từ thuở ấy, người dân xứ Quảng ngập chìm trong màn sương dày đặc của thần quyền. Cứ không nhận thức được thế giới chung quanh thì đó là lực lượng thần linh, do đó có thể, tư tưởng chung của người dân xứ Quảng thời kỳ này vẫn là tư tưởng đa thần như đã từng quan niệm. Nói một cách khác, tư tưởng này không riêng cho người xứ Quảng mà cho cả dân tộc Việt thuở xưa. Vì quan niệm có thần nên trong nhận thức của người dân xứ Quảng, con người khi mất đi cũng là một thần

linh, một năng lực siêu nhiên để bảo vệ con cháu sinh tồn mãi mãi. Do đó từ thực tiễn của hoàn cảnh mà hình thành nên quan niệm: đương nhiên con người là một thần linh trong muôn nghìn thần linh, còn có khả năng mạnh hơn các năng lực thiên nhiên khác. Phải chăng từ đó là dấu mốc phát sinh thờ cúng tổ tiên mà nay là tinh thần của người dân xứ Quảng nói riêng và của người Việt nói chung. Quan niệm về vũ trụ nhân sinh không phải chỉ tồn tại trong một giai đoạn nào đó của lịch sử phát triển, trái lại còn tồn tại suốt cả thời kỳ phong kiến với nhiều hình thức dường ít có thay đổi từ xa xưa ấy. Nay vẫn không ngoài quan niệm đó.

1. Xưa:

Người dân xứ Quảng đến vùng đất nơi đã nhanh chóng định cư được cuộc sống của mình, trong đó chủ yếu là kinh tế dựa trên nền nông nghiệp lúa nước. Nền kinh tế nông nghiệp kế thừa cho phép nảy sinh ra một nền văn hoá tương ứng, bổ sung cho văn hoá gốc đã có. Nền văn hoá này kết hợp với quan niệm thần linh để từ đó hình thành nên cách nhìn, cách nghĩ mới vào thế giới tự nhiên. Vận dụng yếu tố thần linh để lý giải *“thiên nhiên và con người nơi đây bằng yếu tố thần thoại như thần thoại về Núi Non Nước, sự tích về đất Gò Nổi, về sông Hà Sáu, về chùa Bồng Lai, hoặc truyền thuyết về Tháp Chàm”*²².

Chính nền văn hoá này đã giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong các tục lễ của nhân dân xứ Quảng, và do đó đời sống cá nhân riêng lẻ hay cả cộng đồng không tách rời khỏi tư tưởng

²² Văn nghệ dân gian Quảng Nam-Đà Nẵng. Tập 1. Nxb Đà Nẵng 1983. Tr. 28.

đó. Điều này chứng minh rằng trong xã hội nông nghiệp thời kỳ đầu của xứ Quảng đã không có sự phân ly giữa thế giới khách quan và con người sống trong hoàn cảnh khách quan của tự nhiên mà trái lại, đây là mối quan hệ hỗ tương nhau, nương tựa vào nhau cùng tồn tại. Từ đó hình thành nên quan niệm con người không tách rời khỏi vũ trụ mà tồn tại cùng với vũ trụ. Trời được xem là một lực lượng hiển nhiên, có nhân cách và biết tư duy. Trong dân gian người Quảng mỗi khi gặp phải sự cố khắt nghiệt, đau thương, thường “*dậm chân xuống đất kêu Trời*”, “*Dậm chân, đấm ngực kêu Trời*” hoặc “*thề có đất trời chứng giám*”, “*tử sinh nhờ trời*”, “*phú cho trời*”... Chính đó, quan niệm con người và Trời có mối quan hệ tương quan qua lại mà lực lượng trung gian là những thần linh. Trời mặc dầu ở xa nhưng thường xuyên phán quyết chuyện trần gian. Chuyện *Cóc kiện Trời* của người Việt là một ví dụ. Trời có thể thưởng, phạt ra ân, ra uy, ban phúc, gián họa cho muôn loài.

*Hư hao Tý Sửu, Dân năm lợi gì
Hai năm thiên hạ còn chi
Mùa mất dân đói làm ri hời trời
Lấy chi râu thuế ở đời
Hạn sáu bảy tháng không rơi hột nào
Kêu trời, trời ở trên cao
Ai có hột nào thì giữ lấy ăn.*

Trong cuộc sống vốn đã còn nhiều cơ cực, tư tưởng người dân thường quan niệm Trời thưởng phạt con người do con người làm phiền lòng Trời, ăn ở không phải đạo (nghĩa đạo

hàng). Trời phạt, trung triệu: làm hạn hán, lũ lụt, bão tố, đói kém... “*Trời làm một cuộc tây may*”, *Tý hư, Sỉu hao, Dần thất bại*

*Tháng ba đã tới, tháng bảy đã qua
Thiên hạ gần xa đều nghe chao chát
Trời làm bạc ác, lúa mất tro ngời
Rủ nhau dọn bờ đào củ rau má
Trời làm quấy quá, rau má hết rồi,*

báo hiệu qua các hiện tượng sao chổi, nhật thực, nguyệt thực... Nếu vua chúa có tội thì Trời phạt, gây nên đại hạn, đại dịch. Trời làm như vậy ai biết ý Trời, ai sẽ là người làm môi giới? Đó là vua hay thiên tử nên vua mới được và có quyền cúng Trời. Một vài địa phương ở xứ Quảng xưa kia có tục “*Đảo võ*” do người già của làng đến tại Đình làng, miếu làng ăn chay ngủ đất 3 ngày đêm nhằm tỏ rõ đã nhận sự trừng phạt của Trời, làm thế để được lòng Trời mong cho Trời thôi trung triệu, nhất là những năm đại hạn. Thì đây là cầu Trời: “*Cầu Trời mưa xuống. Lấy nước tôi uống. Lấy ruộng tôi cày...*”. *Thương anh, em để có nơi. Còn thương ai nữa thời Trời Đất hay!* Người xứ Quảng cũng đã quan niệm như vậy nên lý giải các hiện tượng tự nhiên dựa vào yếu tố duy tâm, mượn các nhân vật trung gian là các thần ở đình, miếu, vì lực lượng này có khả năng hiểu được ý Trời. Chính đó “*Đảo võ*” là một hình thức thông qua lực lượng trung gian. Chỗ này, một số phong tục của người dân xứ Quảng lấy yếu tố thần linh để giải thích, có tiêu cực là cơ sở cho tư tưởng Lão-Trang chen vào mở ra nhiều hình thức lễ nghi mang sắc thái phù thủy.

*Trời làm cay đắng, thợ mộc, thợ rèn
thợ cưa, thợ tiện*

*Trên thời thắ̃t miệ̃ng, dướ̃i nén cồ̃ bồng
Lúa hế̃t ba công nằ̃m nhà nhĩ̃n đỏi
Còn nghề thầy bói, con mắt đã̃ đui
Trời nó̃ hại tui bỏ̃ mu rùã tiền quả̃
Còn nghề thợ̃ xẻ̃, ẵn hế̃t riế̃t cù̃ng
Hế̃t dại, hế̃t khôn, đẹ̃p phù̃ đẹ̃p phé̃p.*

Quan niệm Trời - Người cảm ứng nhau, thông cảm nhau, từ đó nhận thức của người dân xứ Quảng cho rằng mọi vật đều có hai mặt của nó, đây chính là biểu hiện của âm-dương (như học thuyết âm, dương-ngũ hành của phương đông), Quan niệm này được vận dụng hầu hết vào các hiện tượng tự nhiên, hiện tượng 4 mùa chính là âm dương vốn xoay chuyển và thay thế nhau với sự đổi thay của Trời - Đất.



Bình minh (Internet)

Mùa xuân, mặt trời quang đặng, chuẩn bị sang đông, sáng hay có sương mù, nắng lại ấm áp hiền hoà để chịu, cây cỏ phát triển đâm chồi, nảy lộc ra hoa và kết trái. Từ lạnh lẽo rét buốt của mùa đông, một sự hồi sinh đã đến và trùn lên vũ trụ, đây cũng là sự phản tỉnh của thiên nhiên. Trong xôn xao của đất-trời tất cả đã đổi thay, đây là lúc dương đang thịnh và cứ theo dần ánh sáng đậm nhạt sang hè. Hè đến, sức nóng dâng đến điểm đỉnh trong cây cỏ, con người. Lá cây có màu xanh đậm, hoa tàn để lại quả, lúa lại chín vàng vào độ cuối tháng ba. Tất cả phát triển nhờ vào nguồn năng lượng phong phú của ánh sáng mặt trời. Sức nóng của mặt trời càng nồng, sự sống càng trở nên ẽ oải vì cũng như trong cây lá, theo đà phát triển của thời tiết, dương lên đến điểm cực mạnh và sắp biến thể. Sự kiện đó làm cho con người cảm thấy mệt mỏi, do ở chỗ tất cả đã phong phú và tràn đầy. Đến thu sang thiên nhiên lại nhuốm màu, cây lá ử vàng, con người cảm thấy dịu lại, trầm lắng. Đây là lúc dương đến cực độ, biến thể và âm thịnh. Sự sống được quan niệm là bắt đầu đi xuống theo con đường tiệm tiến. Mùa đông, con người, cây cỏ cảm thấy như già hẳn đi, co ro trong không khí lạnh, không gian nhuốm màu u buồn. Sự sống như ngưng đọng thấp nhất là biểu hiện của âm thịnh. Và sau đây xuân về, thiên nhiên, con người lại rạng rỡ thêm ra. Một chu kỳ mới lại bắt đầu.

Văn hoá xứ Quảng tiếp tục thiết lập trên cơ sở lúa nước, lấy thảo mộc và khí hậu làm trung tâm đã đi vào quan niệm nhân sinh càng lúc càng sâu trong tư duy người dân xứ Quảng một cách tự nhiên, làm cho tâm lý, sự hiểu biết, ý chí, tư duy sáng tạo đều có quan hệ mật thiết với thiên nhiên.

Tư tưởng này có được không phải chỉ đến vùng đất mới định cư mới nảy sinh mà đã mang theo từ thời kỳ đầu mở nước. Vào đến đất lạ, xa quê viễn xứ, quan niệm về âm, dương – ngũ hành được củng cố và phát triển để lý giải các hiện tượng tự nhiên đang không ngừng nghỉ trấn áp con người, mới có thể hình thành niềm tin mà trụ bám. Thời kỳ đầu mở đất, nền khoa học chưa được chú trọng (hay đúng hơn là chưa có sự giao lưu rộng rãi), thì việc lý giải các hiện tượng dựa vào thuyết âm, dương – ngũ hành càng được chú trọng. Chính vì thế một số phong tục xứ Quảng chịu ảnh hưởng của thuyết này và cũng vì thuyết âm, dương – ngũ hành đã để lại trong người dân nơi đây một số phong tục tập quán trở thành “hệ” trong dân. Các phong tục được lặp đi, lặp lại hàng năm mà chưa có sự thay đổi nào đáng kể, chưa có yếu tố mới nào khẳng định và thay thế những thành tố hoặc tập tục lạc hậu, nhất là trong kiêng cử khi sinh đẻ, việc tang. Mãi đến 1945, sau cánh mạng Tháng Tám, khi học thuyết mới của chủ nghĩa duy vật biện chứng ảnh hưởng vào đời sống nhân dân, tình hình bắt đầu được cải thiện, những phong tục, tập quán cũ có thành tố không hợp thời được loại bỏ dần ra khỏi cuộc sống.

Xét mức độ ảnh hưởng của âm, dương – ngũ hành trong cuộc sống, có mặt đúng và thích hợp. Ở chỗ, mọi sự vật đều chứa các mặt đối lập, đấu tranh nhau để phủ định cái cũ. Đây cũng là quá trình phát triển tiến lên của cộng đồng.

Tuy nhiên mặt không triệt để của âm, dương – ngũ hành là có dựa vào nhau nhưng không thủ tiêu phủ định hoàn toàn cái cũ để khẳng định cái mới. Nguyên tắc của âm, dương là giữ lấy cân bằng không để bên nào lấn lướt. Âm thịnh cũng

sai, dương thịnh cũng sai, nếu cả hai cùng thịnh hoặc cùng suy, sự vật sẽ ở vào thế liệt. Do vậy, ảnh hưởng vào trong tư tưởng con người có khi không dứt khoát, không bỏ được những thành tố cũ trong phong tục, thay bằng những yếu tố mới, tích cực, nghĩa là không cách mạng. Quan niệm này ảnh hưởng vào phong tục, lễ hội, những kiêng cử trong sinh hoạt hằng ngày của người dân xứ Quảng thường mang dáng dấp âm, dương – ngũ hành như coi giò, ngày, giờ, một số tập tục trong tục sinh đẻ, trong hôn nhân như việc tương hợp tương khắc, việc tang ma như chám thất tinh, im trùng, khoán... Nay, để cuộc sống phù hợp với thực tiễn, một bộ phận lớn người dân không tin vào bùa chú, nhưng vẫn có một bộ phận nhỏ người dân ảnh hưởng của nó không phải đã mất.

Sinh sống trên một vùng nông nghiệp lúa nước, người Quảng cũng không có quan niệm vật thể phân ly, xa rời con người với vũ trụ để dần đến sự huỷ diệt, trái lại họ vẫn tiếp tục nhìn thấy cái lý đồng nhất tương quan rất rộng lớn giữa con người với thiên nhiên. Từ đó, hình thành quan niệm con người phải dựa vào thiên nhiên để tồn tại và phát triển những tồn tại còn ẩn trong thiên nhiên để làm phong phú thêm đời sống hằng ngày. Đó cũng là tư tưởng biến dịch, tư tưởng “khổ tận cam lai” của người xứ Quảng. Do vậy, những lưu dân khi đến vùng đất mới khai sơn phá thạch, mở rộng biên cương cho đất nước, con người xứ Quảng hình thành được tính hiếu hoà, thẳng thắn, mà bộc trực nghĩa là có âm mà có dương, có bất biến nhưng đồng thời cũng là một quá trình biến dịch không ngừng nghỉ.

Tư tưởng biến dịch được biểu hiện trong nền kinh tế nói chung, mặt khác còn biểu hiện ở các tập tục. Trong sản xuất như việc ngâm giống, chọn giống lúa, các lần thượng điền, hạ điền, thu lúa, cho vay tiền, mượn lúa đều có kiêng cử đi kèm. Đây là quan niệm cũ một thời đã là hệ tư tưởng chi phối mọi tư duy về thực tiễn của người dân xứ Quảng. Từ đó họ tin vào thần quyền, tà ma.

Đặc thù của nền văn hoá – văn minh nông nghiệp lúa nước là đời sống cá nhân không thể tách khỏi cộng đồng, đồng thời cũng không hy sinh cho tập thể vươn lên. Tư tưởng người dân xứ Quảng do sẵn có tinh thần đoàn kết ngay từ khi vào vùng đất mới nên con người cùng với hoàn cảnh xã hội phát triển lên cùng một lúc và song song tồn tại, do đó cộng đồng được mạnh lên. Đây là phương thức cái toàn thể quyết định cái bộ phận, giá trị của bộ phận (cá thể) do mối quan hệ giữa cá thể và bộ phận quyết định. Bộ phận tất yếu phải phục tùng toàn thể, cá thể phải phục tùng tập thể. Chính đó, trong sự phát triển chung, đời sống riêng lẻ từng người, từng gia đình có khi bị tiêu diệt bởi sự vụng về của chính cá thể, nhưng trong hoà điệu chung của cộng đồng bao giờ cũng có một sự phát triển rất đều đặn. Sự sống của một vùng cư trú bao gồm nhiều gia đình, tộc, họ, xóm làng mà ở đây gia đình được xem như tế bào của xã hội. Vì lẽ đó, gia đình không bị bóp chết mà cùng song song tồn tại để tiến lên cùng với cộng đồng của vùng cư trú. Điều này thể hiện ở hầu hết các mặt hoạt động xã hội xưa, trong đó có văn hoá, nghệ thuật của vùng. Từ quan niệm này biểu hiện trong phong tục thường lặp đi, lặp lại dễ thấy nhất là tục chạp mả hằng năm. Không một cá thể nào tách ra khỏi tộc họ trong lần tu táo mộ phần tiên tổ. Hoặc hàng loạt tục lệ của

tháng chạp trước khi bước vào ngày Tết nguyên đán, không nhà nào, người nào ở xứ Quảng lại không chịu ảnh hưởng của phong tục Tết cổ truyền. Ngay trong những ngày Tết, có tục đập đất đầu năm thì không gia đình nào trước đây tránh khỏi.²³ Một số các tục lệ kiêng cử theo đó mà có. Điều đó cho biết vận dụng các nghi lễ, thói quen có trong Gia lễ ở xứ Quảng mỗi nơi mỗi khác, và hoàn toàn tùy thuộc vào hiện thực khách quan của mỗi vùng, miền.



Lúa nước (Ảnh: Văn nghệ Tiền Giang online)

Thời cận hiện đại, tư tưởng triết lý người Quảng còn được bổ sung với học thuyết “*Trung thiên dịch*” và “*Trung thiên đạo*” của cụ Trần Cao Vân. Trung thiên dịch bao gồm *Trời - Đất - Người* tức thuyết về tam tài tức *Thiên - Địa - Nhân*. Trung thiên đạo bao gồm *đạo người, người sống ở giữa trời*

²³ Xem: *Tết xứ Quảng* – Võ Văn Hoè – NXB. Đà Nẵng 2005.

và đất cho nên trung vừa là thể vừa là dụng của con người. Do ảnh hưởng từ tư tưởng triết lý này, người dân xứ Quảng biết hoà mình vào cơ sở thực tiễn để tồn tại, cuộc sống được tổ chức cân bằng giữa thiên nhiên với con người. Chính đó, người Quảng luôn sống lạc quan tin tưởng vào quá trình phát triển vươn lên trong cuộc sống²⁴

Nhìn chung, xuất phát từ cơ sở thực tiễn của vùng đất Quảng Nam mà các phong tục, tập quán, lễ hội được duy trì và củng cố, dựa trên tư tưởng triết lý của nhân dân. Triết lý âm, dương – ngũ hành cũng là chung cho cả nước vào thời phong kiến, song do thực tiễn mỗi nơi mỗi khác nên phản ảnh trong tư duy và cách thức thực hành phong tục mỗi nơi có khác nhau nhằm phù hợp với yêu cầu xã hội và hoàn cảnh tự nhiên khác mà con người sinh sống. Tư tưởng triết lý Trời - Người cảm ứng nhau nên quan niệm có thần, thành ra người dân xứ Quảng tin vào thần linh và thờ thần, và cùng với thờ thần là thờ cúng tổ tiên mình như trước đây họ đã từng thể hiện khi còn ở tại quê hương bản quán.

Các lực lượng siêu nhiên này theo quan niệm xưa đều có nhân cách, có tư duy và suy đoán được việc đời. Vua có tội thì Trời phạt, con cháu có tội thì tổ tiên phạt con người có tội quý²⁵, thần bắt phạt. Tư tưởng âm, dương – ngũ hành mà tạo nên các tục, lễ, chọn lựa tương khắc trong việc dựng nhà, làm nhà, làm bếp, trở ngõ, ma chay... Tư tưởng biến dịch khắc sâu, biểu hiện lâu đời tạo nên phong tục cho từng vùng, có khi

²⁴ Xem: **Quảng Nam trong hành trình mở cõi giữ nước** - Nguyễn Q Thắng. Nxb Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2005. Tr 662.

²⁵ **Quý**: loài yêu quái mà nhiều người tin rằng có. Tục ngữ có: *Nhất quý nhì ma thứ ba học trò*. Theo **Từ điển Việt Nam** – Thanh Nghị – Sài Gòn 1958.

cùng một phong tục, song có thành tố khác nhau chi phối mà cơ sở vẫn là thần linh, vẫn vì lực lượng siêu nhiên mà thể hiện. Tư tưởng chủ toàn dựa trên nguyên lý cái toàn thể quyết định bộ phận, giá trị của bộ phận do mối quan hệ giữa chúng quyết định, tức giữa bộ phận với toàn thể. Vì thế tạo nên phong tục lễ hội vào từng thời điểm trong năm, lặp đi lặp lại, khắc sâu và được duy trì một cách tự giác, tự nguyện trong từng mỗi con người xứ Quảng.

Ngày xưa, những quan niệm như thế đối với người dân xứ Quảng nói riêng có giá trị về mặt đạo đức của vùng, xuất hiện trong bối cảnh con người còn đang tìm cách giải thích các hiện tượng tự nhiên. Thời gian qua, những bậc thang giá trị tinh thần lưu hành trong nhân dân một cách tự giác, chịu tác động thường xuyên của khó khăn kinh tế và đời sống. Phong tục, tập quán trên cơ sở thực tiễn mà hình thành, nhưng cũng chính thời gian và cuộc sống có biến đổi đã gạt bỏ ít nhiều, có những phong tục tốt còn duy trì được, có phong tục không còn duy trì được nữa đã bị loại ra khỏi bảng giá trị.

2. Nay:

Đến nay, từ khi hệ tư tưởng phong kiến thất bại, những tư tưởng, quan niệm xưa đang dần dần được loại bỏ, thay vào đó bằng quan niệm và tư tưởng mới, biện chứng, khoa học, phù hợp. Những giá trị xưa và nay đang trên tiến trình phủ định nhau, những gì tồn tại được, xem như đây là sự bền vững được thiết lập trong cộng đồng.

Trong lịch sử phát triển của xã hội xứ Quảng, văn hoá chỉ gắn liền với con người và xã hội. Cội nguồn của sự tồn tại và

phát triển của văn hoá là hoạt động sáng tạo của con người. Trình độ phát triển chung của văn hoá phụ thuộc trực tiếp vào trình độ làm chủ tự nhiên, bản thân và xã hội của con người trên một vùng cư trú.

Kế tục quan niệm nhìn nhận văn hoá với tư cách là sự phát triển những năng lực bản chất của con người, Lenine đã gắn kết chặt chẽ văn hoá với quá trình phát triển kinh tế - xã hội, phát triển toàn diện con người. Ngay từ rất sớm, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhìn nhận: “*Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người đã sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết; đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ sinh hoạt hằng ngày về ăn, ở, mặc và các phương thức sử dụng khác. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hoá. Văn hoá là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn*”.²⁶ Xuất phát từ kho tàng lý luận của chủ nghĩa Marx – Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên cơ sở thực tiễn đương đại, Nghị quyết Trung ương V (khoá 8) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã chỉ rõ: “*Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy kinh tế xã hội phát triển*”.

Nhìn lại tiến trình đấu tranh không ngừng nghỉ của người xứ Quảng, đến nay người xứ Quảng đều tự hào vì đã được thừa hưởng một di sản văn hoá vô giá. Trải qua những biến thiên của thời cuộc, những di sản văn hoá đó đã chứng minh văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là động lực phát triển

²⁶ Hồ Chí Minh Toàn tập - Tập 3 – NXB. CTQG. Hn 1995. Tr 431.

kinh tế của con người xứ Quảng. Chính văn hoá và sự tồn tại của các di sản văn hoá (cả vật thể và phi vật thể) xứ Quảng đã giúp cho họ hôm nay có cơ hội trở về nguồn, tìm hiểu tiến trình lịch sử, các giai đoạn hình thành vùng đất phương Nam và lịch sử đấu tranh cách mạng của quê hương. Văn hoá trở thành sợi dây gắn kết, giúp cho con người xứ Quảng ngày càng đoàn kết hơn lên, gắn bó, luôn hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, giúp nhau cùng tồn tại và phát triển như trước đây cha anh họ đã từng đoàn kết nhau khai sơn phá thạch, khai cơ lập nghiệp mới có được xứ sở như hôm nay. Văn hoá người Quảng đã tạo nên bản sắc riêng độc đáo cho họ góp vào nền văn hoá chung dân tộc, tạo nên niềm tự hào, là nguồn sức mạnh giúp họ luôn chiến thắng thiên nhiên và mọi trở lực để tiến lên phía trước. Nhờ có văn hoá mà con người từng bước hoàn thiện thể chất đến tinh thần, trí tuệ. *“Văn hoá với tư cách là một hiện tượng xã hội, chính là sự phát triển những năng lực bản chất của con người, không ngừng nâng cao trình độ làm chủ của con người đối với tự nhiên, xã hội, bản thân, nhằm thoả mãn nhu cầu về sự hiểu biết, khám phá, sáng tạo trong thế giới con người theo hướng ngày càng vươn tới giá trị đích thực của ích, chân, thiên, mỹ. Hay nói khác, văn hoá đó là sự phát triển không ngừng xuất phát từ bản chất của năng lực con người để hướng tới các giá trị nhân văn”*.²⁷

Cùng với tư tưởng tiến bộ hiện nay, người dân xứ Quảng loại ra ngoài đời sống tinh thần của mình những sinh hoạt văn hoá lạc hậu. Toàn bộ những gì là lỗi thời không phù hợp phải

²⁷ Giáo trình: **Văn hoá xã hội chủ nghĩa** – TS Nguyễn Hồng Sơn - Học viện chính trị khu vực III, Đà Nẵng.

được thay thế bằng quan điểm duy vật biện chứng, lịch sử. Chính tư tưởng này sẽ mang lại giá trị đạo đức trong lao động và chiến đấu, xây dựng vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng có truyền thống tinh thần tốt đẹp, phát huy bản sắc văn hoá vùng, xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.



Nông nghiệp ngày nay (Internet)

Nhiệm vụ hiện nay trên lĩnh vực xây dựng đời sống văn hoá tinh thần, trong đó các tập tục phải được loại trừ các thành tố không phù hợp, mê tín, dị đoan ra khỏi cuộc sống hiện nay nhằm có được một bảng giá trị tinh thần tương ứng, góp phần “*xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*”, phản ánh được những lĩnh vực đặc thù của đời sống xã hội, đó là toàn bộ quá trình lao động sản xuất ra của cải tinh

thần và vật chất, đồng thời tái sản xuất ra các giá trị văn hoá, tạo cho con người xứ Quảng có trí tuệ, cường tráng về thể chất, phong phú về tinh thần, trong sáng về đạo đức. V.I. Lenin đã nói: “ *Sức mạnh tập quán ở hàng triệu và hàng chục triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất*”²⁸ Cho nên, sửa đổi phong tục, phát huy sức mạnh to lớn ấy để xây dựng và phát triển phù hợp là điều kiện cần thiết để xây dựng nền tảng trong cộng đồng, tạo ra động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội. Xây dựng, sửa đổi các tập tục theo một vòng đời là phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động Quảng Nam – Đà Nẵng trong sản xuất, phổ biến, hưởng thụ các giá trị văn hoá do cộng đồng mang lại trên hết thảy các lĩnh vực, không chỉ trong phong tục, tập quán mà còn cả những nhu cầu vật chất và tinh thần khác của người dân, vận động trong sự phụ thuộc và tác động tích cực của cơ sở thực tiễn trong đó có chính trị, tư tưởng của xã hội. Đây chính là tham gia vào tiến trình sáng tạo ra cái mới, đưa xứ Quảng bước vào thời kỳ mới, thời kỳ xây dựng vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

²⁸ Dẫn theo: **Tài liệu nghiệp vụ Văn hoá - Thông tin cơ sở** - Bộ VH,TT, Cục VH,TT cơ sở xuất bản, Hn 2004. Tr. 337.

PHỤ LỤC III

ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG NGOẠI LAI VÀO TẬP TỤC

1. Nho giáo:

Nho giáo là hệ tư tưởng chính thống của giai cấp phong kiến Trung Hoa. Nho giáo có từ rất lâu, trước Khổng Tử, từ thời nhà Tây Chu, đại diện là Chu Công. Ở đây, không trình bày lịch sử tư tưởng Nho giáo mà chỉ bàn đến ảnh hưởng của Nho giáo trong phạm vi gắn liền những sinh hoạt hằng ngày và ảnh hưởng vào trong phong tục, tập quán của người dân xứ Quảng.

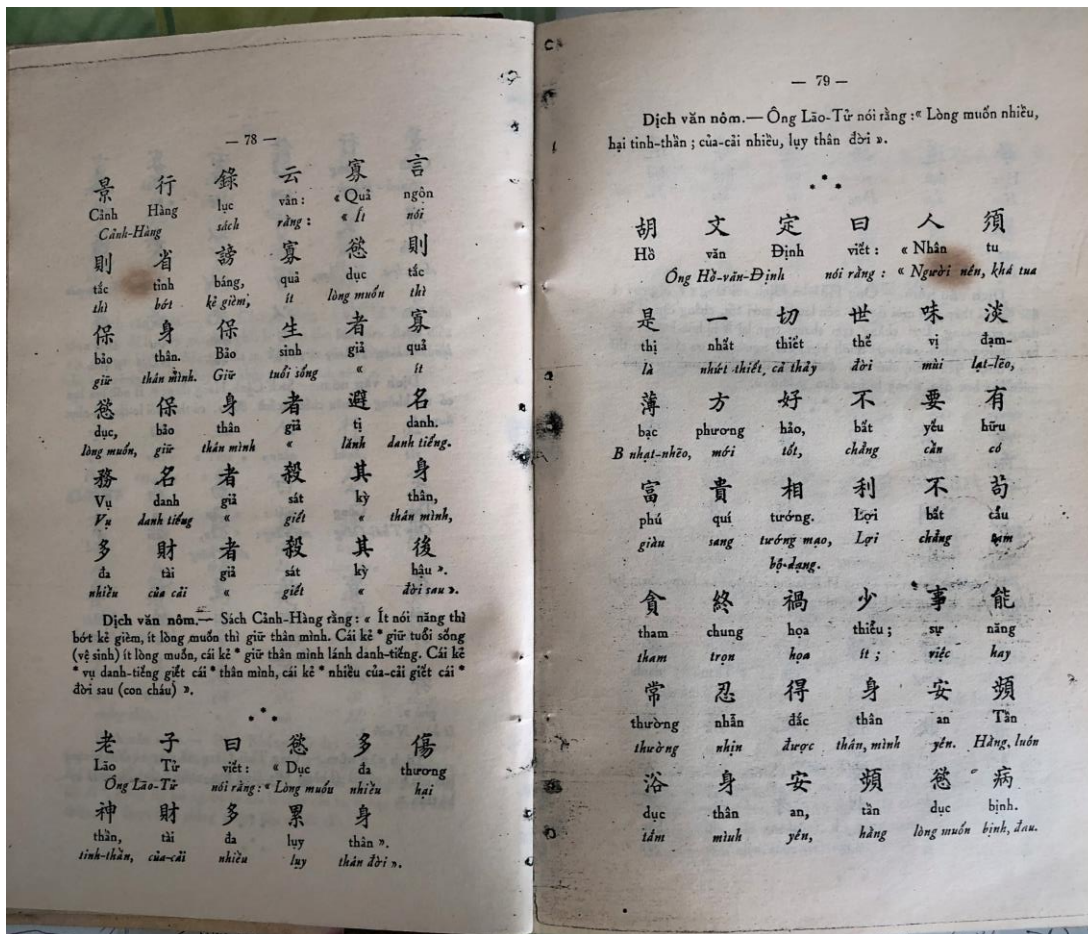
Trước hết, người xứ Quảng từ xưa đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng Nho giáo. (Khi chưa đặt chân vào vùng đất mới này đã ảnh hưởng của Nho giáo rồi, do vậy khi bàn đến Nho giáo ở xứ Quảng không loại trừ tinh thần chung là ảnh hưởng của Nho giáo vào Việt Nam). Vũ trụ quan của Trung Hoa thâm nhập vào nhận thức của người Việt qua *Trời* tức "*Thiên*", đây là lực lượng siêu nhiên tồn tại có ý chí, có nhân cách. Thế giới trần tục này là thiên hạ mà đứng đầu trong *Thiên hạ* là *Thiên tử* (con Trời), tuân mệnh lệnh của Trời mà cai trị thiên hạ (nhân dân). Con trời liên hệ với Trời qua lực lượng siêu nhiên là những thần linh. Điều này có phần giống với tư tưởng triết lý của người Việt. Người Việt cũng xem Trời là lực lượng siêu nhiên, là một thần linh. Do thế khi quan niệm trên thâm nhập

vào, người Việt có tiếp thu được, tuy rằng mức độ tiếp thu (về mặt nội hàm) còn tùy thuộc vào cơ sở thực tiễn của người Việt. Bằng triết lý như vậy, Nho giáo có thể đến Việt Nam mà ít bị khurót từ. Với Nho giáo, vua là người thay mặt cho Trời mà Trời theo quan niệm của người Việt là một vị thần thượng đấng. Do vậy, tư tưởng Nho giáo vận dụng vào người Việt một hệ thống kín để truyền bá tư tưởng của họ vào Việt Nam mà đặc biệt bắt đầu từ thời nhà Hán. Vua có quyền như vậy nên mọi người phải phục tùng, tức phục tùng Hoàng đế. Trên đại thể mà nói, người Việt xưa chấp nhận mô hình vũ trụ quan vào hệ tư tưởng triết lý của mình được. Và, từ đó qua hiện tượng giao lưu này mà người Việt làm phong phú thêm cho hệ thống triết lý của mình được, chấp nhận những gì có thể chấp nhận và gạt bỏ tất cả những gì không phù hợp. Trong hệ thống triết lý về âm, dương – ngũ hành, người Việt cũng đồng thời giống Trung Hoa. Và, do đó tạo điều kiện bổ sung thêm tư tưởng triết lý này.

Vì thế, ảnh hưởng của Nho giáo là quan trọng và phong tục ở vùng Quảng Nam – Đà Nẵng nói riêng do tin vào lực lượng thần linh mà thờ cúng thần linh tồn tại song song với thờ cúng ông bà tiên tổ đã có truyền thống từ trước. Không giải thích được các hiện tượng tự nhiên thì đây là thần, vậy nên lập đình, miếu để thờ cúng thần, làm an lòng thần, trông ở thần giúp đỡ. Từ đó mà sinh ra những lễ tục có liên quan đến thần linh mà con người chịu thực hiện.

Về mặt xã hội, Nho giáo chia ra quân tử, tiểu nhân. Mạnh tử khẳng định: *“Nếu không có quân tử, lấy ai cai trị thôn quê (chỉ người nông dân), nếu không có kẻ thôn quê, lấy ai nuôi*

người quân tử” hoặc “Kẻ lao tâm thì trị người, kẻ lao lực thì bị người trị”²⁹ Chính tư tưởng này đã ảnh hưởng đến người Việt làm cho cả ngàn năm có tục lệ xem thường người nông thôn, người phụ nữ. Ở xứ Quảng không ngoài tầm ảnh hưởng này, có điều, vùng đất mới, cơ sở thực tiễn ở đây có tính quyết định tư tưởng của người dân, vì vậy, dẫu còn quan hệ thứ bậc, lao tâm, lao lực song cũng có phần mềm dẻo hơn, uyển chuyển cho thích hợp và từ đó dần dần hình thành tư chất riêng của người dân xứ Quảng.



Một trang sách xưa Minh Tâm Bảo Giám (VVH)

²⁹ Theo: *Tư liệu tham khảo Văn học Việt Nam - Tập 2*. Nxb Giáo dục 1979. Tr 56.

Kể từ đời nhà Hán, Lục Giả đặt ra thuyết *tam cương ngũ thường* tức ba giềng mối cơ bản (gốc) của xã hội là: quân thần, phụ tử, phu phụ (vua tôi, cha con, vợ chồng). Với sự sửa đổi của Đông Trọng Thu, đường lối chính trị thời đại nhà Hán đã mất dần yếu tố tiên bộ mà trở nên phục cổ một cách huyền bí. Một mặt Đông Trọng Thu duy trì *tam cương* của Lục Giả, đồng thời đưa ra *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* của Mạnh Tử để lập nên công thức ngũ thường dùng lý luận ăn khớp với học thuyết ngũ hành là một học thuyết phổ biến vào thời nhà Hán, đặc biệt đưa bói toán vào xã hội làm cho con người tin vào lực lượng siêu hình, biết quán xuyên toàn bộ hoạt động của con người về quá khứ, hiện tại, tương lai. “Ngũ thường của Đông Trọng Thu là thuyết về năm đức tính của con người: *nhân, lễ, nghĩa, trí, tín* tương ứng với năm nguyên tố của vạn vật theo thuyết ngũ hành trong kinh Dịch là: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ. Người làm chủ tam cương, ngũ thường, xét về giới tính thì đàn ông, còn đàn bà là phụ thuộc”. Đông Trọng Thu đã nói một cách thần bí: “*Vua có ngũ thường tô điểm, thì được Trời giúp, quỷ thần phù hộ, đức lan ra khắp đến mọi loài*”³⁰. Nho giáo vào làng xóm Việt Nam pha tạp cùng Đạo giáo và Phật giáo hình thành nên nhiều hình thức về quan niệm vũ trụ nhân sinh. Quan niệm trong nhân dân đã pha tạp cùng một lúc đến hai, ba hệ tư tưởng ngoại lai tác động. Xứ Quảng trong suốt thời kỳ phong kiến, hình thức này ảnh hưởng khá mạnh, tạo nên trong phong tục nhiều thành tố huyền bí, nhiều nhất là trong việc tang, việc cưới, làm nhà... Về sau, Nho giáo ảnh hưởng tư tưởng Chu Hy kết hợp “*đạo*” và “*đức*” của Lão Tử với thuyết “*Sắc tức thị không, không tức thị sắc*” của Phật giáo

³⁰ Tư liệu tham khảo Văn học Việt Nam. Sđd.

với thuyết âm, dương – ngũ hành, thái cực của kinh Dịch mà lập nên đồ án vũ trụ.

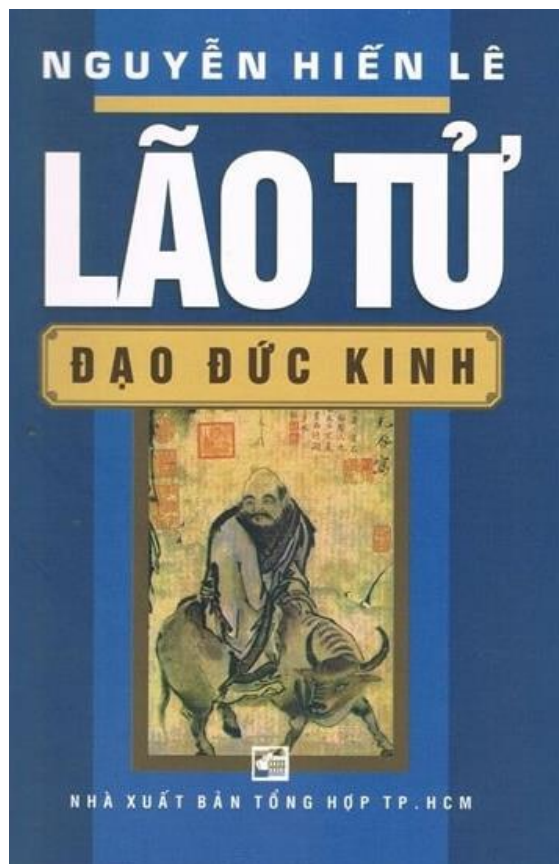
Tóm lại, học thuyết Nho giáo ảnh hưởng sâu sắc đến các tầng lớp Nho của người Việt, đồng thời qua Nho, ảnh hưởng đến tinh thần của nhân dân ta có thể nói là sâu sắc đến nay chưa dứt. Trong thực trạng chung đó cũng đã ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của người dân xứ Quảng, một mặt biểu hiện ở tư tưởng, một mặt ở phong tục, tập quán, văn học, mỹ học...

2. Đạo Lão:

Đạo Lão vào Việt Nam và được người Việt tiếp thu sau Nho giáo. Vào Việt Nam, người Việt xây dựng lại hình tượng một ông tiên khác với nguyên mẫu của nó từ Trung Hoa đến. Sở dĩ ta tiếp thu được hệ tư tưởng Lão giáo, ở chỗ có điểm gần gũi với tư tưởng của người Việt trong quan niệm biến dịch và đồng thời cộng với học thuyết “Sắc tức thị không, không tức thị sắc” của đạo Phật, nên một chừng mực qua quá trình giao lưu, người Việt dưới thời phong kiến tìm những điểm tương đồng, gạn lọc để tiếp thu. Đôi khi trong cuộc sống của người Việt hệ tư tưởng Lão giáo tỏ ra xuất sắc khi phủ nhận Nho giáo, mà đó cũng là vũ khí lợi hại chống lại những ràng buộc của Nho giáo.

Lão giáo về sau phân hoá, có phái Đạo giáo gần giống một tôn giáo tìm mưu cầu cho việc “trường sinh bất tử” của con người, vì vậy đạo giáo chứa rất nhiều yếu tố mê tín dị đoan. Có thể nói rằng Đạo giáo được người dân xứ Quảng từ vùng Thanh-Nghệ-Tĩnh vào thế kỷ thứ XV có mang theo, gặp phải thiên nhiên nơi đây đầy những khó khăn, những hiện

tượng thiên nhiên đầy bí ẩn làm thiệt hại mùa màng, con người..., từ thực tiễn đó là môi trường để cho Đạo giáo với cách trừ “ma”, trừ “tà” chiếm lĩnh tư tưởng, tạo nên những tục lệ gắn với quá trình chinh phục thiên nhiên của con người xứ Quảng, trở thành những thành tố mang yếu tố mê tín, dị đoan mà trong số tục lệ như sinh đẻ, cưới hỏi, ma chay, đốt giấy vàng bạc... nay những yếu tố trên vẫn còn tồn tại trong một bộ phận nhân dân, tiếp diễn theo đời sống thường ngày.



Thời Hậu Hán (Lão Tử chết), thế kỷ thứ II trước công nguyên, Trương Lăng (Trương Lăng Đạo) lấy Lão giáo pha trộn với lối dùng bùa phép, phù chú bắt quỷ, trừ ma, tổ chức ra Yêu đạo (đạo ma quái). Mục đích của Trương Lăng Đạo là tin rằng có thần tiên nên dựa vào thần tiên, ma quỷ, yêu quái để làm cho người dân tin theo, tập hợp họ lại chống lại triều đại phong kiến đang thống trị. Và, về sau, chính Yêu đạo này đã trở thành một thứ mê tín cầu tiên và phù thủy. Việc thờ tiên

phải có phép tắc, thờ nhiều vị, thứ nhất là Nguyên thủ thiên tôn (tức Ngọc hoàng thượng đế), thứ hai Lão quân (tức Thái thượng Lão quân, tức Lão Tử, do đồ đệ suy tôn khi cho rằng Lão Tử thành tiên) do Ngọc hoàng thượng đế hoá thân, ba là Huyền thiên thượng đế (tức sao Bắc cực đã tôn thành thần có

hiệu Huyền Vũ sau là Chân Vũ³¹, bốn là Văn xương đế quân, năm là Phong đô thần coi về địa ngục ở cửu tuyền³².

Đạo giáo ra đời từ Trung Quốc, sang Việt Nam³³ nhanh chóng nhập vào quan niệm dân gian địa phương, lôi kéo quan niệm này xem là có lực lượng thần linh như: thần giữ bếp, thần giữ ngõ, thần giữ nhà, thần giữ đất, thần tài giữ cửa, ông bình vôi... kết hợp với nhau nảy sinh hình thức phù thủy, lấy đồng bóng, dùng bùa chú, tà phép gọi là để trừ được yêu ma, quỷ quái... Hình thức như vậy phần nào cũng bị các nhà Nho đời sau phản đối vì có tính mê tín, dị đoan, không thật. Chẳng hạn: *Đồng giới sao đồng không giúp nước, Hay là đồng sợ sủng thần công!* Là một ví dụ.

Vùng đất Quảng Nam – Đà Nẵng ảnh hưởng của Đạo giáo cũng khá sâu sắc do bước đầu vào Nam mở đất, xáp mặt với thiên nhiên quá khắc nghiệt nên nhân dân gán cho mọi vật đều có tri giác, có linh thiêng, có suy đoán trước sau, quyết định vận mệnh con người. Họ tin vào Đạo giáo biểu hiện qua phong tục có mang đáng dấp phù thủy như: cúng nam thương giải thoát oan hồn, nhưng sao giải hạn..., mãi đến thời nay được cho là có mang yếu tố mê tín, dị đoan. Họ không còn tin như trước.

3. Đạo Phật:

³¹ Do phạm húy vua nhà Tống, phải đổi Huyền Vũ sang Chân Vũ.

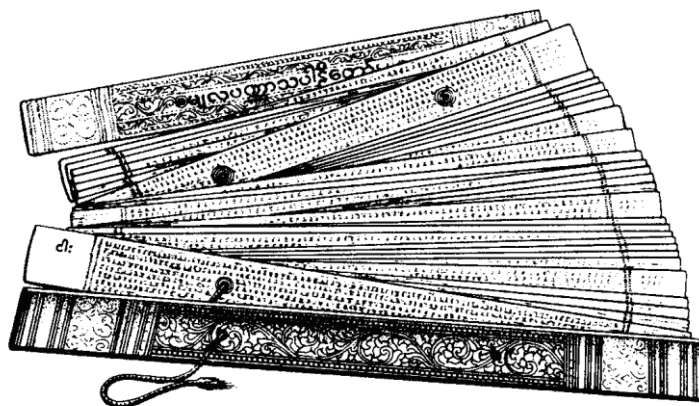
³² **Cửu tuyền:** tức âm cung, tức chín tầng địa ngục.

³³ Ước đoán từ thời Hàn Linh đế. Theo: **Tư liệu tham khảo Văn học Việt Nam.** Tập 2. NXB. GD 1979.

Ảnh hưởng từ học thuyết của đạo Phật, người dân xứ Quảng quan niệm rằng thiên nhiên không do một lực lượng bên ngoài nào chi phối mà tồn tại là do vận động tự bản thân nó. Quy luật vận động là quy luật của nhân quả, luân hồi. Mỗi sự vật vô thủy, vô chung, có sinh, có diệt. Tư tưởng “nhân duyên” này lại gần với tư tưởng âm, dương của người Việt, thêm vào đó cũng gần với tư tưởng biến dịch, vì thế về mặt này, tư tưởng Phật giáo ảnh hưởng được trong quá trình giao lưu văn hoá với nhau. Người Việt quan niệm vũ trụ và con người có sự cảm ứng nên dẫn đến tư tưởng thống nhất vũ trụ và người với hệ tư tưởng vũ trụ đồng nhất. Do đó thuyết “*sắc tức thị không, không tức thị sắc*” (Sắc biến thành không nên là vô thường. Mọi sự vật có mà không, không mà có, biến dịch thường xuyên trong hệ quả của âm, dương cũng là của tư tưởng luân hồi). Người Việt dễ tiếp thu là ở chỗ đó.

Một tập kinh Phật

Người dân xứ Quảng thuở xưa mang theo tư tưởng này của Phật giáo vào xứ sở mới khai phá, nhưng để củng cố lại phải chờ



đến “1665 (Ất ty) dưới thời chúa Nguyễn Phước Tần lập chùa Thập tháp A Di Đà tại Tuy Viễn,³⁴ do một nhà sư Trung Quốc sang trụ trì, từ đó người dân Đàng trong (có xứ Quảng) mới

³⁴ Việt Nam Phật giáo sử lược – Thích Mật Thể - Tân Việt Hà Nội 1944 (Phật giáo thời Nam, Bắc triều). Dẫn theo Quảng Nam qua các thời đại – Phan Du - Cổ học tùng thư, Đà Nẵng 1974. Tr 224.

bắt đầu giao lưu với đạo Phật có hệ thống hơn. Phật giáo vào xứ Quảng đã có phần mềm cho phù hợp với thực tiễn cuộc sống nơi đây, người dân tiếp thu Phật giáo có pha trộn với Nho, Lão. Số lượng tăng đồ đông lên: *“Con trai 16 tuổi trở lên thể chất cường tráng thì bắt làm lính, vì vậy cha mẹ sợ con bị bắt lính nên khi con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sãi, may ra được khỏi. Vì có ấy, tăng đồ rất đông, nhưng Phật pháp cũng do đó sinh ra hỗn loạn, chẳng những thiên tông tuyệt nhiên không đếm xỉa, mà cho việc Luật, Luận cũng buông trôi chẳng chút quan tâm, đến nỗi những phường áo tràng, mũ ni, nét xấu tật hư còn quá dân quê nơi làng mạc”*³⁵. Xem thế, thời ấy, Phật giáo cũng có những bước thăng trầm tại đây vào thời kỳ đầu khai phá. Tình hình như vậy, Nho và Đạo giáo chiếm ưu thế tuyệt đối, đến nỗi: *“Tăng chúng phần đông chẳng giữ giới luật, tôi (tức Nguyễn Phúc Chu-VVH) sẽ phát lệnh bài đi khắp các phủ, bắt bọn chúng đem về trình lão Hoà thượng, buộc mỗi người phải chịu ba đàn giới luật, mới được cấp cho giới điệp, miễn trừ giao dịch, tô thuế”*. Thời bấy giờ đạo Phật có được sùng bái, tăng đồ đông nhưng ít ảnh hưởng sâu rộng trong nhân dân xứ Quảng. Trong một cáo bạch, Bạch Liêm Hoà thượng dán ở các chùa: *“...Nho, Giáo, hai giáo phái đều có truyền thống ở đây ta không bàn đến. Ta chỉ nói riêng về Thích giáo, Đức Đại hùng Văn Phật giáo hoá chúng sinh, lấy lòng từ bi làm lợi cho muôn vật, lấy trí tuệ tiếp độ mọi người, dạy học chia thành ba môn để cho kẻ hậu tiến tiện đường xu hướng. Được sơn tổ bảo rằng: Luật có luật sư, Luận có luận sư. Hiện nay, bảo là Tôn sư thì chưa hiểu thuyên chỉ, bảo rằng*

³⁵ Hải ngoại kỷ sự - Thích Đại Sán - Dẫn theo Quảng Nam qua các thời đại - Phan Du. Sđd Tr 231. Cũng xem: Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – Sđd. Tr 502.

Luật sư thì chưa hiểu Giới tướng, bảo rằng Luận sư thì lại chưa hiểu kinh nghĩa, hành động nhỏ nhãng, nói năng lộn xộn, tự ý đặt điều làm hại kẻ hậu học, khinh Trời, dối Phật, ăn thí cúng của Thập phương, thực là loài ma nghiệt, sư một trong Pháp môn vậy. Những kẻ tự xưng Đại Tăng phần đông bề ngoài nấu nướng cửa Phật, bề trong hoạt động yêu ma, dè khoát lốt hùm, thỏ bầy chồn lữ, lộng hành khắp xứ, mười điều sai chín...”³⁶

Khi người xứ Quảng tiếp thu đạo Nho, Lão, Phật là ba hệ tư tưởng có những điểm khác nhau về nhân sinh quan cũng như vũ trụ quan. Không Tử tin vào mệnh Trời thì Lão Tử phủ nhận Trời mà tin vào quy luật tự nhiên, còn Phật tin vào bản thể đồng nhất của vũ trụ. Do vậy, ảnh hưởng các hệ tư tưởng trên vào người Quảng có pha tạp lẫn nhau trong quan niệm, trong đó Nho và Lão vẫn có ưu thế tạo thành những thành tố trong phong tục, tập quán. Tư tưởng Phật giáo vào sâu song không mạnh mẽ. Tuy nhiên để giải thích cuộc sống, lý thuyết đạo Phật sâu hơn nên các nhà Nho bám trụ tại làng cũng khó mà phê phán được. Tình hình như vậy làm cho có lúc Nho có lúc Đạo, có lúc Phật tác động vào đời sống tinh thần của người Quảng. Do thế một pháp sư (thầy phù thủy, thầy điệu) cũng có lúc sử dụng ảnh hưởng của Phật trong tế lễ, khi thực hiện các tục lệ gắn liền theo một vòng đời mỗi con người. Những gia đình người Quảng theo đạo Phật thường thờ trong nhà Đức Quán Thế Âm là một vị Đại Bồ tát, vì đây là vị đã phát nguyện là sẵn sàng giúp đỡ cứu hộ chúng sinh ở thế gian này. Tuy thế, trong việc thực hành các phong tục, tập quán theo một vòng

³⁶ Hải ngoại ký sự - Thích Đại Sán - Sđd. Tr 232.

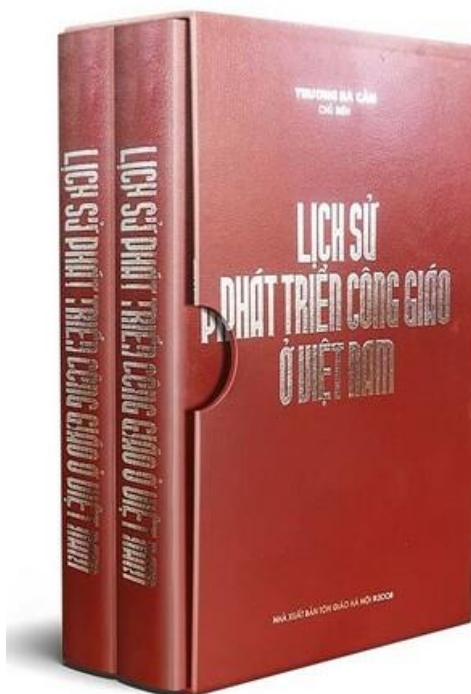
đời của mình, những người theo đạo Phật vẫn tổ chức đan xen các thành tố vừa có tín ngưỡng truyền thống (thờ cúng ông bà) với đạo Nho, đạo Phật, đạo Lão trong cuộc sống cho phù hợp.

4. Thiên chúa giáo:

Có thể ước rằng đạo Thiên chúa vào xứ Quảng “*Năm 1615, giáo hội phái các giáo sỹ Francesco Buzomi người Ý, Diego Carvalho, người Bồ, từ Macao sang Touran, xin được chúa Sãi cho phép truyền đạo, lập lên giảng đường đầu tiên, rồi sau đến Faifo, ở đây bây giờ đã có người Bồ, người Nhật buôn bán đông đúc*”³⁷

Lịch sử phát triển Công giáo Việt nam (Internet)

Tuy nhiên, ngay bước đầu hoạt động của đạo Thiên chúa đã trở ngại nhiều do hệ tư tưởng có phần xa lạ đối với quan niệm người dân Đàng Trong thời bấy giờ: “*Phật giáo, Khổng giáo, tục lệ thờ cúng ông bà, hoặc do sự vụng về của một số giáo sỹ trong lối truyền giảng như chê bai, khinh bác Phật giáo, Khổng giáo, hoặc vì những tín điều, nghi thức trái ngược với phong tục tập quán xã hội và cũng có khi do những rủi ro bất ngờ chẳng hạn như thiên tai, hạn hán xảy ra trong xứ để các giáo sỹ bị quy trách nhiệm, giới giáo sỹ phải gặp*



³⁷ Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – NXB. Văn học 2000.Tr 454.

nhieu khó khăn về mặt truyền đạo, vì việc thay đổi thái độ của chúa cùng các triều thần, vì sự thù ghét của đa số dân chúng”³⁸. Mặt khác, người dân xứ Đàng Trong không tiếp thu tư tưởng Thiên chúa giáo mà cho rằng đây là “tà giáo” làm cho Trời - Đất bất bình, trung triệu bằng nhật thực, nguyệt thực, hạn hán, mất mùa. Người dân tin rằng, hiện tượng nhật thực, nguyệt thực là do hiện tượng mặt trời, mặt trăng bị rồng ăn, gấu nuốt nên mỗi khi có nguyệt thực, nhật thực xảy ra, nhân dân phải đánh chuông, đánh mõ, đập thùng thiếc, đập nong nia, chính quyền phải cho bắn súng thần công, đại bác để rồng hoặc gấu phải nhả ra hầu cho mặt trời, mặt trăng chóng được sáng tỏ trở lại. Dân các làng có khô hạn, mất mùa phải tổ chức cho người đầu làng “Đào võ” ăn chay năm đất ba ngày nhằm chịu sự trừng phạt của Trời để có võ thuận phong điều trở lại. “Thiên chúa giáo đã gặp nhiều trở ngại ở Đàng Trong cũng như ở Đàng Ngoài: cấm chỉ, tù phạt, đốt phá giáo đường, giết hại giáo đồ, giáo sỹ. Vì sao? Chắc không phải vì tông giáo, vì người Việt từ nghìn xưa đã sẵn có tinh thần bao dung tông giáo, sẵn quan niệm “đồng quy, thù đồ” coi tông giáo nào cũng nhằm mục đích thiện cả. Nhưng ấy là vì phong tục, lễ nghi của tín đồ Thiên chúa giáo có nhiều chỗ khác biệt, trái ngược với của mình và phong tục, lễ nghi ấy mình chưa thấu ý nghĩa. Ví dụ trong lúc các quan, các chúa có người có 50, 70, 100 vợ lẽ, nàng hầu, thì các giáo sỹ tẩy chay việc đa thê, khuyến dụ cái lễ một chồng một vợ, trong lúc toàn dân lấy đạo hiếu làm mỗi đầu của đạo làm người, mà hiếu là phải “sự tử như sự sanh” thì các giáo sỹ lên án việc thờ cúng tổ tiên”³⁹

³⁸ Quảng Nam qua các thời đại - quyền thượng – Phan Du. Sđd Tr 104.

³⁹ Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – NXB. Văn học 2000. Tr 464.

Vì thế, tư tưởng đạo Thiên chúa xem có xa lạ với nhân dân xứ Quảng, có chăng tồn tại ở những thôn, xóm vạn chài, làng mới thành lập, cư dân mới tập trung, mới chịu sự chi phối của tư tưởng Thiên chúa giáo.

Không tiếp thu tư tưởng Thiên chúa giáo “*do dân tộc Việt Nam là một dân tộc có văn hiến, họ tỉ mỉ giữ gìn những lễ nghi, tôn giáo hoặc phép lịch sự bắt buộc phải giữ. Ai không giữ họ coi như khinh bỉ, chế nhạo và làm nhục họ. Nhưng những con buôn Âu Châu, trong lúc tiếp xúc với người Việt mà họ cho là mọi rợ, chẳng những đã không thêm giữ những lễ nghi ấy - vả lại họ có biết gì đến phong tục thuần túy của dân Việt - họ còn có những cử chỉ sỗ sàng và gian xảo, vì vậy người Việt Nam chẳng những ghét người ngoại quốc mà còn ghét lây cả công giáo nữa*”⁴⁰.

Lại thêm, tác động của chính quyền thời bấy giờ có lệnh cấm đạo nên tư tưởng Thiên chúa giáo không thể ăn sâu vào nhân dân. Lệnh cấm đạo ban hành “*ngày 5 tháng 5 năm 1750 viết: Vì người Âu Châu truyền bá một tôn giáo có ma pháp để làm mê muội những người tin theo. Lại vì những người chất phát thường dễ bị quyến dụ bởi tôn giáo ấy, nên chúa thượng phải ra lệnh ngăn cấm. Ngài không muốn, kể từ nay, giáo dân còn được tụ họp với nhau như trước nữa. Vì những lý do này, chúa thượng cho tất cả các quan ở các phủ trấn bắt các giáo sỹ, tịch thu của cải, áp giải về Huế hay dinh trấn Thanh Chiêm. Lại phải trót đoạt tất cả các vật dụng có tính chất tôn giáo*

⁴⁰ Việt Nam giáo sử - Phan Phát Huồn - Dẫn theo Quảng Nam qua các thời đại – Phan Du – Sđd. Tr 216. Cũng xem: Việt sử: xứ Đàng Trong – Phan Khoang – Sđd. Tr 464.

*như ảnh tượng, thánh giá, kinh sách...và phá huỷ các giáo đường rồi giao vật liệu cho các làng sở tại”.*⁴¹ Hoặc: “*Xưa kia ở Á Đông nhà cầm quyền trị nước, chú trọng trước hết đến phương diện giáo hoá nhân dân. Nay thấy nhân dân bị giáo hoá một cách khác với nền giáo hoá thông thường mà họ tưởng là bất di bất dịch, thấy nhân dân của mình không chịu “hương hoá” thì kẻ có chức trách phải trị”.*⁴²

Xem thế, tình hình ảnh hưởng của Thiên chúa giáo vào phong tục, tập quán xứ Quảng là rất ít, trừ những làng mới thành lập, do đó không tạo nên trong phong tục, tập quán những thành tố của Thiên chúa giáo vào cuộc sống. Và, tất nhiên, trước hết Nho giáo, Đạo giáo chiếm ưu thế, đến Phật giáo mới góp phần hình thành nên những yếu tố ngoại lai trong tập tục của người dân vùng đất Quảng. Thời phong kiến cái gì trung với vua là đúng, những gì hợp với Trời, Phật, Thánh thần là đúng, cho nên tồn tại của tư tưởng ngoại lai cũng là tồn tại của văn hoá Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo được kết tinh trong nguyên tắc đạo đức của phong tục, tập quán thời phong kiến.

⁴¹ Mgr. Bennelat – Relation de la Persecution. Arch. M.E. (Cf. La Geste Frise eu Indochine p. 100) Dẫn theo Phan Du. Sđd. Tr 220.

⁴² **Việt sử: xứ Đàng Trong** – Phan Khoang – Sđd. Tr 465.